

Số: /BC-CTK

Thái Nguyên, ngày tháng 9 năm 2022

BÁO CÁO
Tình hình kinh tế - xã hội quý III và 9 tháng năm 2022
trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên

Tình hình kinh tế - xã hội của tỉnh trong 9 tháng năm 2022 diễn ra trong bối cảnh thực hiện tiếp cận “thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch Covid-19”; tình hình quốc tế diễn biến phức tạp do cuộc chiến giữa Nga và Ukraina ảnh hưởng trực tiếp, đa chiều đến tình hình kinh tế, chính trị, an ninh thế giới và khu vực. Tuy nhiên, với sự quyết liệt trong chỉ đạo, điều hành của Tỉnh uỷ, HĐND, UBND tỉnh, sự đồng thuận của người dân và cộng đồng doanh nghiệp trong triển khai thực hiện nhiệm vụ năm 2022; cùng với triển khai đồng bộ các chính sách hỗ trợ và phục hồi phát triển kinh tế - xã hội theo Nghị quyết số 11/NQ-CP của Chính phủ nên đến nay tỉnh Thái Nguyên đã đạt được một số kết quả nhất định như dịch bệnh Covid 19 tiếp tục được kiểm soát tốt; lạm phát được kiềm chế; các chỉ số kinh tế tiếp tục cải thiện tích cực; hoạt động thu hút đầu tư và nhiều ngành kinh tế khởi sắc; thu ngân sách tiếp tục hoàn thành theo tiến độ đề ra. Các lĩnh vực văn hoá, xã hội, môi trường an sinh xã hội tiếp tục được quan tâm; quốc phòng, an ninh và trật tự, an toàn xã hội được giữ vững.

Trên cơ sở kết quả thực hiện 8 tháng và ước tính số liệu tháng 9, Cục Thống kê báo cáo dự ước tình hình kinh tế - xã hội quý III và 9 tháng năm 2022 trên địa bàn tỉnh như sau:

1. Giá trị sản xuất công nghiệp (*theo giá so sánh 2010*) trên địa bàn 9 tháng năm 2022 ước đạt gần 673,4 nghìn tỷ đồng, tăng 11,7% so với cùng kỳ và bằng 73,2% kế hoạch cả năm. Trong đó, công nghiệp địa phương ước đạt gần 30 nghìn tỷ đồng, tăng 13,2% so với cùng kỳ và bằng 75% kế hoạch cả năm; công nghiệp Nhà nước Trung ương ước đạt 22,5 nghìn tỷ đồng, tăng 11,8% so với cùng kỳ; công nghiệp khu vực có vốn đầu tư nước ngoài (FDI) ước đạt gần 621 nghìn tỷ đồng, tăng 11,6% so cùng kỳ. Tính riêng quý III, giá trị sản xuất công nghiệp trên địa bàn ước đạt 283,6 nghìn tỷ đồng, tăng 13,8% so với cùng kỳ. Trong đó, công nghiệp địa phương đạt 12,9 nghìn tỷ đồng, tăng 16,4% so với cùng kỳ; công nghiệp khu vực FDI đạt 262,3 nghìn tỷ đồng, tăng 13,6% so với cùng kỳ.

2. Giá trị xuất khẩu hàng hoá trên địa bàn tỉnh tính chung 9 tháng năm 2022 ước đạt 25,08 tỷ USD, tăng 18,4% so với cùng kỳ và bằng 78,3% kế hoạch cả năm. Trong đó, xuất khẩu do địa phương quản lý đạt 516,2 triệu USD, tăng 18,7% so với cùng kỳ và bằng 81,8% kế hoạch; khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài xuất khẩu 24,55 tỷ USD, tăng 18,5% so với cùng kỳ. Tính riêng quý III, giá trị xuất khẩu trên địa bàn ước đạt xấp xỉ 8,3 tỷ USD, tăng 1,3% so với cùng kỳ; trong

đó, xuất khẩu địa phương ước đạt 186,8 triệu USD, tăng 0,92%, xuất khẩu khu vực FDI xuất khẩu 8,1 tỷ USD, tăng 1,4%.

3. Thu ngân sách Nhà nước trên địa bàn 9 tháng năm 2022 ước đạt 13,44 nghìn tỷ đồng, bằng 74,7% dự toán năm, tăng 14,8% so với cùng kỳ. Trong đó, thu nội địa ước đạt 10.918 tỷ đồng, bằng 69,7% dự toán cả năm, tăng 8,7% so với cùng kỳ; thu từ hoạt động xuất nhập khẩu ước đạt 2.448 tỷ đồng, bằng 104,6% dự toán năm và tăng 51,5% so với cùng kỳ.

4. Vốn đầu tư phát triển toàn xã hội 9 tháng năm 2022 ước đạt gần 40 nghìn tỷ đồng, tăng 18,4% so với cùng kỳ năm trước. Tính riêng quý III, tổng vốn đầu tư phát triển toàn xã hội ước đạt 18.218,6 tỷ đồng, tăng 13,1% so với cùng kỳ.

5. Sản xuất nông, lâm nghiệp, thủy sản:

Tổng sản lượng thịt hơi xuất chuồng ước đạt 131,1 nghìn tấn, tăng 8,8% so với cùng kỳ và bằng 83% kế hoạch cả năm. Trong đó, sản lượng thịt lợn hơi ước đạt 67,4 nghìn tấn, giảm 0,8% (do 6 tháng đầu năm giảm 3,6%); thịt gà hơi ước đạt 47,5 nghìn tấn, tăng 25,1% so với cùng kỳ.

Diện tích trồng rừng mới tập trung trên địa bàn đạt 3.913 ha, giảm 3,6% so với cùng kỳ và bằng 105,8% kế hoạch; trong đó, địa phương trồng rừng mới tập trung theo chương trình mục tiêu phát triển lâm nghiệp bền vững là 482,4 ha, bằng 44,1% cùng kỳ và bằng 32,2% kế hoạch năm 2022.

Diện tích chè trồng mới và trồng lại là 312 ha, tăng 21,6% so với cùng kỳ và đạt 78,1% kế hoạch cả năm; trong đó, diện tích chè trồng lại là 256 ha, tăng 31,5% so với cùng kỳ và bằng 76,5% kế hoạch cả năm.

6. Các chỉ tiêu xã hội: Đã và đang tiếp tục được triển khai thực hiện theo tiến độ đề ra.

Tình hình cụ thể về kết quả thực hiện các chỉ tiêu chủ yếu trên địa bàn tỉnh tháng 9, quý III và 9 tháng năm 2022 như sau:

A. KINH TẾ

I. Sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản

Sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản trong 9 tháng năm 2022 diễn ra trong điều kiện thời tiết tương đối thuận lợi. Các địa phương tiếp tục thực hiện chủ trương chuyển đổi cơ cấu cây trồng, hình thành các vùng sản xuất tập trung, áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật trong sản xuất nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm, đẩy mạnh khâu quảng bá và xúc tiến tiêu thụ sản phẩm.

1. Nông nghiệp

a. Trồng trọt

* *Cây hàng năm*

Tổng diện tích gieo trồng cây hàng năm trên địa bàn tỉnh tính đến thời điểm 30/9/2022 đạt trên 111 nghìn ha, giảm 0,9% so với năm 2021, bao gồm: Vụ Đông Xuân đạt 59,9 nghìn ha, giảm 3,5% so với cùng kỳ năm trước; vụ Mùa đạt 51,1 nghìn ha, giảm 1,2%. Trong đó:

Cây lương thực có hạt: Diện tích gieo trồng cây lương thực có hạt đạt 83,5 nghìn ha, chiếm 75,2% tổng diện tích gieo trồng và giảm 1,2% so với cùng kỳ. Chia ra, vụ Đông Xuân đạt 40,1 nghìn ha, giảm 1,4% so với cùng kỳ; vụ Mùa đạt 43,4 nghìn ha, giảm 1,1% so với cùng kỳ.

Cây hàng năm khác: Diện tích gieo trồng cây rau các loại toàn tỉnh đạt 15,2 nghìn ha, tăng 2,4% so với cùng kỳ; diện tích đậu tương đạt 384 ha, giảm 14,7%; diện tích sắn đạt 1,4 nghìn ha, giảm 8% diện tích khoai lang đạt 2,7 nghìn ha, giảm 6,5%; diện tích lạc đạt 3 nghìn ha, giảm 4,3%.

Với kết quả sản xuất của các loại cây trồng hàng năm đã đạt được trong 9 tháng, nếu diễn biến thời tiết những tháng cuối năm tiếp tục thuận lợi, sản lượng cây hàng năm cả năm dự báo đạt như sau:

- Tổng sản lượng lương thực có hạt năm 2022 đạt khoảng 457 nghìn tấn, bằng 104,8% kế hoạch, trong đó sản lượng lúa ước đạt 382,1 nghìn tấn, sản lượng ngô ước đạt 75,2 nghìn tấn.

- Sản lượng rau ước đạt 382,5 nghìn tấn, bằng 104,2% kế hoạch, tăng 3% so với năm 2021; đậu tương sản lượng đạt khoảng 0,6 tấn, giảm 20,2%; sản lượng sắn ước đạt 23,1 tấn, giảm 8,1%; khoai lang sản lượng đạt khoảng 19 tấn, giảm 3,9%; sản lượng lạc đạt khoảng 5,9 tấn, tăng 2,9%.

*** Cây lâu năm**

Cây chè: Toàn tỉnh hiện có 9 vườn ươm chè giống với tổng số hom giống là 22,8 triệu hom. Trong đó, chủ yếu là các giống LDP1, Kim Tuyên, TRI 777. Đến nay diện tích chè trồng mới và trồng lại đạt 312,4 ha, bằng 78,1% kế hoạch (*riêng diện tích chè trồng mới là 56 ha, giảm 9,7% so với cùng kỳ*). Sản lượng chè thu hoạch ước 9 tháng năm 2022 đạt 216,3 nghìn tấn, bằng 84,5% kế hoạch, tăng 3,9% so với cùng kỳ năm trước. Thị trường tiêu thụ ổn định, giá chè búp tươi bình quân đạt 35 nghìn đồng/kg; việc thu mua vận chuyển nguyên liệu diễn ra thuận lợi giữa người dân sản xuất và các doanh nghiệp, hợp tác xã, cơ sở chế biến chè.

Cây ăn quả: Tỉnh Thái Nguyên đang hình thành một số vùng sản xuất cây ăn quả tập trung có giá trị kinh tế cao, có thị trường tiêu thụ ổn định. Ngành chức năng của tỉnh hỗ trợ 224 ha cây ăn quả chủ lực tại huyện Võ Nhai, huyện Đồng Hỷ, huyện Đại Từ gồm 125 ha trồng na; 63 ha trồng bưởi; 36 ha trồng nhãn. Ước tính 9 tháng năm 2022, diện tích cây ăn quả toàn tỉnh đạt 14,1 nghìn ha, tăng 0,9% so với cùng kỳ. Ngoài ra, trong 9 tháng năm 2022, ngành chức năng của tỉnh đã cấp mới và cấp lại cho Giấy chứng nhận tiêu chuẩn VietGap cho 133,1 ha cây ăn quả (*cấp mới 74,1 ha/190 ha và cấp lại 59 ha/120 ha*).

b. Chăn nuôi

Các địa phương đã chủ động hướng dẫn thực hiện công tác tái đàn trong chăn nuôi nông hộ theo chỉ đạo của ngành chức năng; thực hiện các biện pháp phòng chống dịch bệnh cho đàn gia súc, gia cầm; hướng dẫn các cơ sở, hộ chăn nuôi về an toàn sinh học. Tiếp tục quan tâm phát triển chăn nuôi theo hướng tập trung quy mô trang trại, ứng dụng các tiến bộ khoa học công nghệ về giống năng suất cao,

chuồng lạnh, tự động hóa vận hành thức ăn, nước uống, sát trùng, xử lý môi trường và xây dựng chuỗi liên kết giá trị trong chăn nuôi. Theo đó, sản xuất chăn nuôi trên địa bàn tỉnh cơ bản ổn định.

Tình hình dịch bệnh trên đàn gia súc gia cầm: Trong 9 tháng năm 2022 trên địa bàn toàn tỉnh xảy ra 03 ổ dịch bệnh truyền nhiễm trên đàn vật nuôi, bao gồm: dịch tả lợn Châu Phi là ổ dịch kéo dài từ năm 2021 chuyển sang tháng 01/2022, xảy ra tại 04 hộ thuộc thành phố Sông Công với số lợn mắc bệnh buộc tiêu huỷ 17 con lợn, khối lượng lợn tiêu huỷ là 1.259 kg; dịch lở mồm long móng gia súc cuối tháng 5/2022, xảy ra tại 9 hộ thuộc huyện Võ Nhai với 03 con bò, 24 con trâu; dịch tai xanh trên lợn cuối tháng 8/2022, xảy ra tại 01 hộ thuộc huyện Võ Nhai, đã tiêu huỷ 30 con lợn mắc bệnh với khối lượng tiêu huỷ là 1.387 kg.

Công tác phòng chống dịch bệnh và tiêm phòng: Tại các ổ dịch, vùng nguy cơ lây nhiễm ngành chức năng đã chỉ đạo, triển khai đến hộ chăn nuôi chủ động lấy mẫu xác minh dịch bệnh; cách ly, điều trị và thực hiện khử trùng. Hiện đã có 4 huyện là: huyện Phú Lương, huyện Đồng Hỷ, huyện Đại Từ và thành phố Thái Nguyên đã triển khai công tác tiêm phòng vắc xin hỗ trợ đợt 2: Vắc xin lở mồm long móng lợn 10.450 liều; vắc xin Dịch tả lợn 34.680 liều; vắc xin Tụ máu lợn 28.820 liều; vắc xin Cúm gia cầm 196.000 liều; vắc xin THT trâu, bò 8.800 liều.

Sản lượng thịt hơi xuất chuồng: Tính đến 30/9/2022, tổng sản lượng thịt hơi xuất chuồng ước đạt 131,1 nghìn tấn, bằng 83% kế hoạch, tăng 8,8% so với cùng kỳ. Trong đó, thịt lợn hơi đạt 67,4 nghìn tấn, giảm 0,8% so với cùng kỳ năm trước; thịt gà hơi đạt 47,5 nghìn tấn, tăng 25,1%; thịt bò hơi đạt 4,7 nghìn tấn, tăng 8,2%; thịt trâu hơi đạt 3,9 nghìn tấn, tăng 4,4%. Sản lượng thịt các loại và trứng gia cầm đáp ứng cho nhu cầu tiêu dùng trong tỉnh và cung cấp cho một số tỉnh lân cận.

Giá bán sản phẩm chăn nuôi: Chỉ số giá chăn nuôi tháng 9/2022 tăng 0,5% so với tháng trước và tăng 10,5% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, chỉ số giá sản phẩm chăn nuôi lợn tăng 0,3% so với tháng trước và giảm 5,2% so với cùng kỳ; chỉ số giá sản phẩm chăn nuôi gia cầm tăng 0,9% so với tháng trước và tăng 20,7% so với cùng kỳ. Tính chung quý III/2022, chỉ số giá sản phẩm chăn nuôi tăng 6,6% so với quý trước và tăng 7,3% so với cùng kỳ. Trong đó, chỉ số giá sản phẩm lợn giảm 13,4% so với tháng trước và tăng 7,8% so với cùng kỳ; chỉ số giá bán sản phẩm gia cầm tăng 20,4% so với tháng trước và tăng 7,4% so với cùng kỳ.

Giá sản xuất bình quân một số mặt hàng quý III/2022 trên địa bàn tỉnh như sau: Giá thịt lợn hơi khoảng 60 nghìn đồng/kg; giá lợn giống khoảng 128,4 nghìn đồng/kg; giá gà ta thịt hơi khoảng 119 nghìn đồng/kg; giá gà công nghiệp lông trắng khoảng 34 nghìn đồng/kg.

2. Lâm nghiệp

Công tác trồng rừng và khai thác lâm sản: Tính đến hết tháng 9 năm 2022, diện tích rừng trồng mới tập trung toàn tỉnh đạt 3.913,3 ha, bằng 105,8% kế hoạch, giảm 3,6% so với cùng kỳ. Ngoài ra, toàn tỉnh thực hiện trồng 1,35 triệu cây phân tán các loại. Ước tính sản lượng gỗ rừng trồng khai thác 9 tháng năm 2022 đạt

215,9 nghìn m³, tăng 0,7% so với cùng kỳ; sản lượng củi khai thác ước đạt 142 nghìn ste, giảm 1,2% so với cùng kỳ.

Công tác quản lý và bảo vệ rừng: Trong tháng 9/2022, trên địa bàn tỉnh không xảy ra vụ cháy rừng nào. Tính chung 9 tháng năm 2022, trên địa bàn xảy ra 04 vụ cháy rừng với tổng diện tích rừng bị cháy khoảng 1,14 ha và 02 vụ phá rừng với diện tích rừng bị phá 1,65 ha. Ngoài ra, đã phát hiện và xử lý 74 vụ vi phạm; lâm sản tịch thu 82,9 m³ gỗ quy tròn các loại và thu nộp ngân sách Nhà nước 584,6 triệu đồng.

3. Thủy sản

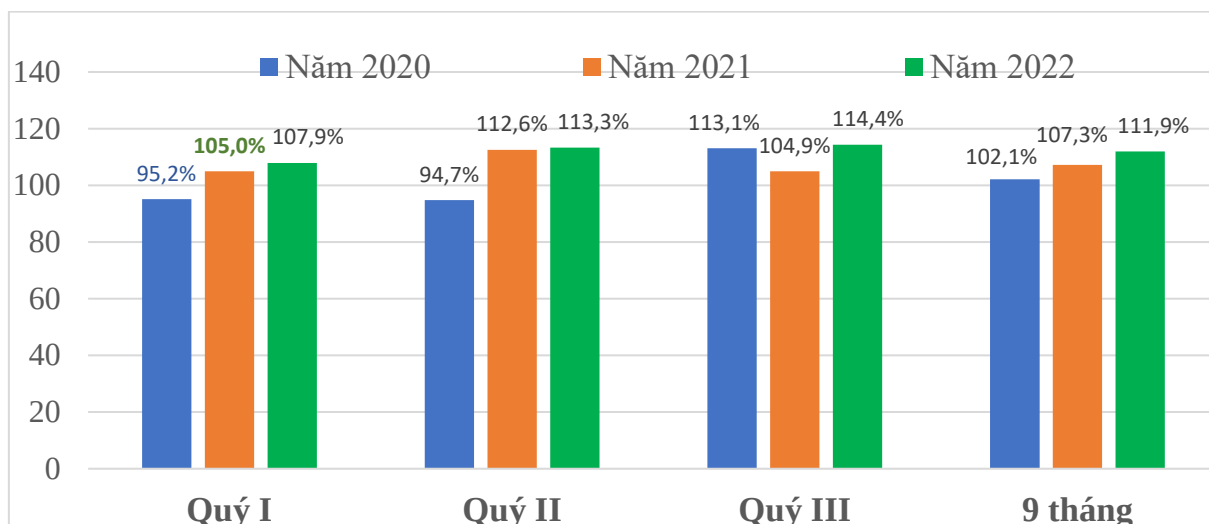
Tính chung 9 tháng năm 2022, sản lượng thủy sản thu hoạch toàn tỉnh ước đạt 11,3 nghìn tấn, bằng 66,7% so với kế hoạch, tăng 7% so với cùng kỳ năm trước. Chia ra, sản lượng thủy sản nuôi trồng ước đạt 11,1 nghìn tấn (*sản lượng cá chiếm 95,9% tổng sản lượng thủy sản*), tăng 7% so với cùng kỳ; sản lượng thủy sản khai thác đạt 232,6 tấn, tăng 6%. Hoạt động thủy sản đã có nhiều chuyển biến tích cực, nhiều diện tích đã được chuyển sang nuôi thâm canh và bán thâm canh với các đối tượng nuôi có giá trị kinh tế cao, hình thành một số vùng nuôi trồng thủy sản tập trung theo mô hình tổ hợp tác, hợp tác xã tại huyện Phú Bình, huyện Đại Từ, huyện Định Hóa...

II. Sản xuất công nghiệp

Sản xuất công nghiệp tháng 9/2022 tiếp tục xu hướng phục hồi nhanh, ước tính chỉ số sản xuất (IIP) toàn ngành công nghiệp tháng 9/2022 tăng 3,2% so với tháng trước và tăng 13% so với cùng kỳ năm 2021. Trong đó, nhóm ngành khai khoáng giảm 3,6% so với tháng trước và giảm 24,8% so với cùng kỳ; công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 3,3% so với tháng trước và tăng 13,3% so với cùng kỳ; sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hoà không khí giảm 1,1% so với tháng trước và tăng 19,3% so với cùng kỳ; cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải tăng 2,9% so với tháng trước và tăng 32,1% so với cùng kỳ.

Trong số các sản phẩm công nghiệp chủ yếu của tỉnh, nhóm sản phẩm ước tính có sản lượng sản xuất trong tháng 9/2022 tăng trên 10% so với cùng kỳ là: tai nghe khác đạt 9,2 triệu sản phẩm, gấp 2,7 lần; thiết bị và dụng cụ khác trong y khoa đạt 203,9 triệu sản phẩm, tăng 86,1%; nước máy thương phẩm đạt 3,6 triệu m³, tăng 31,5%; sản phẩm may đạt 9 triệu sản phẩm, tăng 30,4%; điện sản xuất đạt 117 triệu kwh, tăng 26,5%; than khai thác đạt 92,8 nghìn tấn, tăng 19,8%; điện thương phẩm đạt 530 triệu kwh, tăng 10,4%... Nhóm sản phẩm công nghiệp chủ yếu có sản lượng sản xuất tăng dưới 10% so với cùng kỳ là: sắt thép các loại đạt 131,6 nghìn tấn, tăng 5,3%; vonfram và sản phẩm của vonfram đạt 1,5 nghìn tấn, tăng 4,9%; điện thoại thông minh đạt 8,7 triệu sản phẩm, tăng 3%; xi măng đạt 239,7 nghìn tấn, tăng 1,5%; camera truyền hình đạt 6,3 triệu sản phẩm, tăng 1,5%... Còn lại các sản phẩm công nghiệp chủ yếu có sản lượng thấp hơn so với cùng kỳ là: đồng tinh quặng đạt 4,1 nghìn tấn, giảm 1%; gạch xây dựng đạt 4,3 triệu viên, giảm 10,7%; máy tính bảng đạt 0,5 triệu sản phẩm, giảm 35,3%...

Tính riêng quý III/2022 IIP toàn ngành công nghiệp ước tăng 14,4% so với cùng kỳ. Trong đó, ngành công nghiệp khai khoáng giảm 28,8%; ngành sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hoà không khí tăng 12,3%; ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 14,9%; ngành cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải tăng 23,2%.



Chỉ số sản xuất công nghiệp các năm 2020-2022 chia theo quý và 9 tháng

Một số sản phẩm công nghiệp chủ lực trong quý III/2022 đạt cao hơn với cùng kỳ như: tai nghe khác đạt 28,5 triệu sản phẩm, gấp 2,8 lần, thiết bị và dụng cụ khác trong y khoa đạt 523,6 triệu sản phẩm, tăng 41,7%; sản phẩm may đạt 26 triệu sản phẩm, tăng 29,5%; nước máy thương phẩm đạt 10,2 triệu m³, tăng 24,8%; điện sản xuất đạt 359,5 triệu kwh, tăng 18,7%...

Tính chung 9 tháng năm 2022, IIP toàn ngành công nghiệp tăng 11,9% so với cùng kỳ. Trong đó, ngành công nghiệp khai khoáng giảm 21,1%; ngành sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hoà không khí tăng 1,2%; ngành cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải tăng 5,7%; ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 12,5%.

	Đơn vị tính: %				
	2018	2019	2020	2021	2022
Toàn ngành	112,2	109,8	102,1	107,3	111,9
Khai khoáng	104,3	93,4	94,5	90,0	78,9
Chế biến, chế tạo	112,4	109,9	102,0	107,7	112,5
Phân phối và sản xuất điện	107,8	115,8	105,1	100,6	101,2
Cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải	110,2	89,5	93,9	104,2	105,7

IIP 9 tháng chia theo ngành hoạt động giai đoạn 2018-2022

Nhóm sản phẩm điện tử 9 tháng năm 2022 đạt 202,8 triệu sản phẩm, tăng 23,2% so với cùng kỳ và bằng 55% kế hoạch. Trong đó, tai nghe khác đạt 59 triệu sản phẩm, tăng 69,4% cùng kỳ; camera truyền hình đạt 62,3 triệu sản phẩm, tăng 19,9%; điện thoại thông minh đạt 75,1 triệu sản phẩm, tăng 6,7%¹; máy tính bảng đạt 6,4 triệu sản phẩm, giảm 14,7%.

Nhóm các sản phẩm công nghiệp chủ yếu khác có sản lượng 9 tháng năm 2022 tăng cao hơn so với cùng kỳ là: sản phẩm may đạt 71,7 triệu sản phẩm, tăng 24,8% cùng kỳ và bằng 82,4% kế hoạch; thiết bị dụng cụ khác trong y khoa đạt 1.200 triệu sản phẩm, tăng 20,7%; vonfram và sản phẩm của vonfram đạt 14,7 nghìn tấn, tăng 16,9% và bằng 81,4% kế hoạch; nước máy thương phẩm đạt 24,2 triệu m³, tăng 6,3% và bằng 69,1% kế hoạch; điện thương phẩm đạt 4.248 triệu kwh, tăng 5,2% và bằng 71,2% kế hoạch; xi măng đạt 2,1 triệu tấn, tăng 2,1% và bằng 69,2% kế hoạch... Ở chiều ngược lại, nhóm các sản phẩm công nghiệp chủ yếu 9 tháng năm 2022 có sản lượng đạt thấp hơn so với cùng kỳ là: điện sản xuất đạt 1.177 triệu kwh, giảm 0,9%; than khai thác đạt 1 triệu tấn, giảm 3,7% và bằng 68,5% kế hoạch; sắt thép các loại đạt 1,1 triệu tấn, giảm 6,7% và bằng 62,9% kế hoạch; đồng tinh quặng đạt 29,4 nghìn tấn, giảm 21,1%...

Giá trị sản xuất (GTSX) công nghiệp trên địa bàn tỉnh 9 tháng năm 2022 (theo giá so sánh năm 2010) ước đạt 673,4 nghìn tỷ đồng, tăng 11,7% so với cùng kỳ và bằng 73,2% kế hoạch cả năm. Trong đó, khu vực kinh tế trong nước đạt trên 52,4 nghìn tỷ đồng, tăng 12,6% so cùng kỳ² và công nghiệp khu vực có vốn đầu tư nước ngoài đạt gần 621 nghìn tỷ đồng, tăng 11,6% cùng kỳ.

Chia theo ngành kinh tế, chiếm tỷ trọng cao nhất vẫn là ngành công nghiệp chế biến, chế tạo đạt 670,1 nghìn tỷ đồng (chiếm 99,5% tổng giá trị sản xuất công nghiệp), tăng 11,7%; ngành công nghiệp sản xuất và phân phối điện đạt 2,1 nghìn tỷ đồng, tăng 2%; ngành công nghiệp khai khoáng đạt 679,1 tỷ đồng, giảm 10,4% và ngành công nghiệp cung cấp nước; xử lý rác thải, nước thải đạt 462,5 tỷ đồng, tăng 5,7%.

Với kết quả sản xuất ước tính 9 tháng năm 2022 như trên, để hoàn thành kế hoạch năm 2022 (tăng 9% so với năm 2021) thì GTSX công nghiệp quý IV chỉ cần đạt 246,6 nghìn tỷ đồng, tăng 2% so với cùng kỳ và bằng 87% quý III/2022. Tuy nhiên, trong bối cảnh tình hình kinh tế, chính trị, dịch bệnh trên thế giới vẫn đang diễn biến phức tạp; tình trạng đứt gãy chuỗi cung ứng nguyên, phụ liệu; thị trường tiêu thụ sản phẩm, cụ thể là thị trường xuất khẩu đang có xu hướng sụt giảm...; để tiếp tục duy trì và phát triển sản xuất, các cấp, ngành cũng như doanh nghiệp cần tiếp tục theo dõi sát sao các diễn biến để có những ứng phó kịp thời, tiếp tục thực hiện đồng bộ các giải pháp nhằm tháo gỡ những khó khăn, tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp trên địa bàn sản xuất, kinh doanh.

¹ Bao gồm: điện thoại thông minh có giá dưới 3 triệu đạt 37,8 triệu sản phẩm, tăng 10,7%; điện thoại có giá từ 3 đến dưới 6 triệu đạt 18,3 triệu sản phẩm, giảm 9,7%; điện thoại có giá từ 6 triệu trở lên đạt 19 triệu sản phẩm, tăng 19%.

² Bao gồm: công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp địa phương là 30 nghìn tỷ đồng, bằng 75% kế hoạch và tăng 13,1% so với cùng kỳ; công nghiệp Nhà nước Trung ương 22,5 nghìn tỷ đồng, tăng 11,8% so với cùng kỳ.

III. Vốn đầu tư, xây dựng và tình hình hoạt động của doanh nghiệp

1. Vốn đầu tư

Tổng vốn đầu tư phát triển toàn xã hội trên địa bàn tỉnh quý III/2022 ước đạt 18,2 nghìn tỷ đồng, tăng 42,7% so với quý trước và tăng 13,1% so với cùng kỳ. Tính chung 9 tháng năm 2022, tổng vốn đầu tư thực hiện trên địa bàn tỉnh ước đạt 39,9 nghìn tỷ đồng, tăng 18,4% so với cùng kỳ. Chia ra, vốn Nhà nước ước đạt 7,2 nghìn tỷ đồng, chiếm 18% tổng vốn đầu tư và tăng 28,4% so với cùng kỳ; vốn ngoài Nhà nước đạt 19 nghìn tỷ đồng, chiếm 47,7% và tăng 14,8% so với cùng kỳ; vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài ước đạt 13,7 nghìn tỷ đồng, chiếm 34,3% và tăng 18,7% so với cùng kỳ.

Trong 9 tháng năm 2022, vốn đầu tư vào ngành nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản ước đạt 944,6 tỷ đồng, chiếm 2,4% trong tổng vốn đầu tư; đầu tư vào ngành công nghiệp, xây dựng ước đạt 18,5 nghìn tỷ đồng, chiếm 46,5%³; đầu tư vào ngành thương mại, dịch vụ, vận tải và các ngành khác ước đạt 20,4 nghìn tỷ đồng, chiếm 51,1%.

Vốn đầu tư thuộc nguồn vốn ngân sách Nhà nước do địa phương quản lý: Tổng vốn đầu tư thực hiện thuộc nguồn vốn ngân sách Nhà nước do địa phương quản lý tháng 9/2022 ước tính đạt 1.017,9 tỷ đồng, tăng 2% so với tháng trước và tăng 81,6% so với cùng kỳ. Tính chung 9 tháng năm 2022, tổng vốn đầu tư thực hiện thuộc nguồn vốn ngân sách Nhà nước do địa phương quản lý ước đạt 5.841,8 tỷ đồng, bằng 66,12% kế hoạch năm, tăng 59,6% so với cùng kỳ.

Tiến độ thực hiện đầu tư một số dự án trên địa bàn: Dự án Khu đô thị mới, phố đi bộ trung tâm thành phố Thái Nguyên với tổng số vốn đầu tư là 120 tỷ đồng, đang thực hiện công tác giải phóng mặt bằng để triển khai thực hiện dự án; Dự án Tuyến đường liên kết, kết nối các tỉnh Thái Nguyên, Bắc Giang và Vĩnh Phúc với tổng mức đầu tư 3.781 tỷ đồng, chiều dài 42,55km được đánh giá là dự án giao thông trọng điểm, đang tích cực được đẩy nhanh tiến độ thi công và phấn đấu hoàn thành vượt tiến độ đề ra; Dự án đô thị động lực thành phố Thái Nguyên với tổng vốn đầu tư 100 triệu USD, trong đó 3 công trình: Xây dựng trường Mầm non Hương Sơn; nâng cấp trường Mầm non Phan Đình Phùng; nâng cấp cầu Đán đã đưa vào sử dụng. Ngoài ra, 3 dự án giao thông đối nội trọng điểm trên địa bàn gồm: Dự án Đầu tư nâng cấp mở rộng tuyến đường từ Km31 (Quốc lộ 3) đến Khu di tích lịch sử Quốc gia đặc biệt ATK Định Hóa (Nhà tưởng niệm Chủ tịch Hồ Chí Minh); Dự án cải tạo, nâng cấp 2 tuyến đường ĐT.261 và đường ĐT.266 chủ đầu tư là Ban Quản lý Dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông tỉnh dồn đốc đẩy nhanh tiến độ, dự kiến sẽ hoàn thành và bàn giao theo kế hoạch.

Tình hình giải ngân vốn đầu tư công: Tính đến hết tháng 8/2022, trên địa bàn tỉnh đã giải ngân được trên 3,9 nghìn tỷ đồng vốn đầu tư công, đạt 67% kế hoạch vốn do Thủ tướng giao và đạt 43,4% kế hoạch địa phương giao. Ước tính đến hết

³ Trong đó, ngành công nghiệp chế biến, chế tạo ước đạt 16,1 nghìn tỷ đồng, chiếm 40,3% tổng vốn đầu tư.

tháng 9/2022, thanh toán được 4.575 tỷ đồng, đạt 78,3% kế hoạch vốn do Thủ tướng giao và đạt 50,7% kế hoạch do địa phương giao.

2. Thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI)

Trong 9 tháng năm 2022 Thái Nguyên tiếp tục là điểm đến hấp dẫn của các nhà đầu tư nước ngoài nhờ những lợi thế sẵn có cùng sự cải cách mạnh mẽ môi trường đầu tư kinh doanh, hạ tầng giao thông thuận lợi, hạ tầng khu công nghiệp được đầu tư bài bản...

Tính đến 12/9/2022, toàn tỉnh cấp mới 12 giấy chứng nhận cho 05 dự án FDI với tổng số vốn đăng ký đầu tư là 320 triệu USD; điều chỉnh tăng vốn cho 14 lượt dự án với tổng vốn đầu tư đăng ký thêm là 1.209,2 triệu USD. Lũy kế đến ngày 12/9/2022, trên địa bàn tỉnh có 172 dự án có hiệu lực với tổng vốn đầu tư đăng ký khoảng 10,3 tỷ USD (*đương đương khoảng 237,3 nghìn tỷ đồng*).

Như vậy, trong 9 tháng năm 2022 tỉnh Thái Nguyên tiếp tục là điểm sáng trong thu hút vốn FDI khi tổng số vốn FDI bổ sung vào nền kinh tế là trên 1,5 tỷ USD (*tương đương khoảng 35 nghìn tỷ đồng*).

3. Xây dựng

Trong quý III/2022, tỷ lệ doanh nghiệp hoạt động sản xuất kinh doanh thuận lợi chiếm 64,5%; doanh nghiệp duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh chiếm 17,1%; doanh nghiệp gặp khó khăn trong sản xuất kinh doanh chiếm 18,4%. Bên cạnh đó, trong quý III trên địa bàn tỉnh có 07 công trình khởi công mới; 23 công trình hoàn thành trong quý; 01 công trình khởi công và hoàn thành trong quý; 64 công trình đang thực hiện và 54 công trình sửa chữa, nâng cấp.

GTSX ngành xây dựng (*theo giá hiện hành*) quý III/2022 ước đạt 7,8 nghìn tỷ đồng, tăng 23,3% so với quý trước và tăng 19,8% so với cùng kỳ năm trước. Xét theo cơ cấu, doanh nghiệp Nhà nước chiếm tỷ lệ rất nhỏ, khoảng 0,1% tổng GTSX; doanh nghiệp ngoài Nhà nước chiếm 45,2%; doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài chiếm 2,3%; loại hình khác (*gồm hộ cá thể, hộ dân cư và cấp xã*) chiếm 52,4%.

Tính chung 9 tháng năm 2022, GTSX xây dựng (*theo giá hiện hành*) trên địa bàn tỉnh ước đạt 19,7 nghìn tỷ đồng, tăng 18,2% so với cùng kỳ. Chia theo loại hình sở hữu, doanh nghiệp Nhà nước ước đạt 14,3 tỷ đồng, tăng 22,2% so với cùng kỳ; doanh nghiệp ngoài Nhà nước 9,6 nghìn tỷ đồng, tăng 25%; doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài ước đạt 463,3 tỷ đồng, giảm 42,3% so với cùng kỳ; loại hình khác 9,6 nghìn tỷ đồng, tăng 17,8%. Chia theo loại công trình, công trình nhà ở chiếm 48%, tăng 14,4% so với cùng kỳ; giá trị công trình nhà không để ở chiếm 21,6%, tăng 6,2%; công trình kỹ thuật dân dụng chiếm 18,3%, tăng 44,1%; còn lại là công trình khác, tăng 26,2%.

4. Tình hình hoạt động của doanh nghiệp

4.1. Tình hình đăng ký doanh nghiệp

Tình hình đăng ký doanh nghiệp trong 9 tháng năm 2022 tiếp tục có những tín hiệu tích cực khi số doanh nghiệp đăng ký thành lập mới tăng so với cùng kỳ. Số doanh nghiệp giải thể cũng giảm đáng kể so với cùng kỳ năm ngoái.

Tính đến ngày 12/9/2022, toàn tỉnh đã cấp mới đăng ký kinh doanh cho 670 doanh nghiệp với số vốn đăng ký là 7,4 nghìn tỷ đồng, tăng 15,5% về số doanh nghiệp và tăng 29,8% về số vốn đăng ký so với thời điểm 15/9/2021⁴. Trong tổng số doanh nghiệp đăng ký mới, tập trung nhiều là ở thành phố Thái Nguyên có 331 doanh nghiệp (*chiếm gần 49,4%*) với số vốn đăng ký là 3,3 nghìn tỷ đồng; tiếp đến là thành phố Phổ Yên có 122 doanh nghiệp với số vốn đăng ký là 1,7 nghìn tỷ đồng; thành phố Sông Công có 56 doanh nghiệp với số vốn đăng ký là hơn 400 tỷ đồng; huyện Phú Bình và huyện Phú Lương đều có 41 doanh nghiệp; huyện Đại Từ có 39 doanh nghiệp với số vốn đăng ký là 529,2 tỷ đồng; huyện Định Hóa có 18 doanh nghiệp với số vốn là 87 tỷ đồng... Số vốn đăng ký bình quân 1 doanh nghiệp tính đến 12/9/2022 đạt 11 tỷ đồng, tăng 12,2% so với số vốn đăng ký bình quân 1 doanh nghiệp tại thời điểm 15/9/2021.

Toàn tỉnh cũng có 350 doanh nghiệp quay trở lại hoạt động sau thời gian tạm ngừng; có 472 doanh nghiệp đóng mã số thuế và 628 doanh nghiệp ngừng hoạt động.

Như vậy số doanh nghiệp tham gia thị trường tính đến 12/9/2022 là 1.020 doanh nghiệp, tăng 8,5% so với thời điểm 15/9/2021; số doanh nghiệp rút lui khỏi thị trường là 1.100 doanh nghiệp, tăng 7,2% so với thời điểm 15/9/2021.

Có thể thấy rằng, mặc dù hiện nay khu vực doanh nghiệp đang có sự phục hồi tích cực nhưng vẫn còn nhiều hạn chế, đó là: Số doanh nghiệp thành lập mới, quay trở lại hoạt động tăng đáng kể nhưng tỷ lệ doanh nghiệp giải thể, dừng hoạt động vẫn còn cao; đa số các doanh nghiệp của tỉnh có quy mô siêu nhỏ và nhỏ, khả năng chống chịu còn yếu; năng lực công nghệ của doanh nghiệp còn hạn chế, nhiều doanh nghiệp còn nặng tư duy kinh doanh thời vụ, ngắn hạn, thiếu tầm nhìn chiến lược dài hạn, ý thức trách nhiệm và nghĩa vụ đối với Nhà nước, cộng đồng và xã hội còn hạn chế như nghĩa vụ thuế, bảo vệ môi trường, chống gian lận thương mại...

4.2. Xu hướng sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp

Theo kết quả điều tra xu hướng kinh doanh của các doanh nghiệp ngành xây dựng trong quý III/2022 cho thấy: có 64,7% số doanh nghiệp đánh giá tình hình sản xuất kinh doanh tốt hơn quý II/2022; 18,4% số doanh nghiệp đánh giá gặp khó khăn và 17,1% số doanh nghiệp cho rằng tình hình sản xuất kinh doanh ổn định. Đối với dự kiến tình hình sản xuất kinh doanh trong quý IV/2022, có 50% số doanh nghiệp đánh giá xu hướng sẽ tốt lên; 18,4% số doanh nghiệp dự báo khó khăn hơn và 31,6% số doanh nghiệp cho rằng tình hình sản xuất kinh doanh sẽ ổn định.

Theo kết quả điều tra xu hướng kinh doanh của các doanh nghiệp ngành công nghiệp chế biến, chế tạo cho thấy có 54,4% số doanh nghiệp được hỏi đánh giá tình hình sản xuất kinh doanh trong quý III/2022 tốt hơn quý II/2022; 16,2% số doanh nghiệp đánh giá gặp khó khăn hơn và 29,4% số doanh nghiệp cho rằng tình hình sản xuất kinh doanh ổn định. Về dự kiến tình hình sản xuất kinh doanh trong quý IV/2022, có 60,3% số doanh nghiệp đánh giá xu hướng tốt lên; 13,2% số

⁴ Tính đến thời điểm 15/9/2021 toàn tỉnh có 580 doanh nghiệp đăng ký thành lập mới với số vốn đăng ký là 5,7 nghìn tỷ đồng.

doanh nghiệp dự báo khó khăn hơn và 26,5% số doanh nghiệp cho rằng tình hình sản xuất kinh doanh sẽ ổn định.

Như vậy qua kết quả khảo sát nhanh của các doanh nghiệp hoạt động ngành công nghiệp chế biến, chế tạo và ngành xây dựng thì nhìn chung các doanh nghiệp khá lạc quan về tình hình sản xuất kinh doanh những tháng cuối năm 2022.

4.2. Tình hình sử dụng lao động của các doanh nghiệp công nghiệp

Nhờ kiên định chủ trương “Thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch Covid-19” cùng với các giải pháp phù hợp và quyết liệt của ngành chức năng, các cấp, các ngành trong triển khai chương trình phục hồi và phát triển kinh tế-xã hội theo tinh thần của Nghị quyết số 11/NQ-CP, thị trường lao động trong quý III năm 2022 cả nước và tỉnh Thái Nguyên đã có nhiều khởi sắc.

Nhờ các giải pháp ứng phó linh hoạt cùng với nỗ lực không ngừng nhằm phục hồi và phát triển kinh tế của toàn hệ thống chính trị, từ Trung ương đến địa phương, đến nay tất cả các hoạt động sản xuất kinh doanh trở lại trạng thái bình thường nên thị trường lao động cả nước nói chung và tỉnh Thái Nguyên nói riêng đã và đang phục hồi tích cực. Số lao động bị ảnh hưởng tiêu cực bởi đại dịch Covid-19 đã giảm mạnh; số người gia nhập lực lượng lao động tiếp tục tăng; lao động có việc làm tăng mạnh; thị trường lao động tăng trưởng mang tính bền vững hơn với mức tăng tập trung chủ yếu ở lao động có việc làm chính thức; tỷ lệ thất nghiệp và thiếu việc làm đều giảm; thu nhập của người lao động tiếp tục được cải thiện.

Theo kết quả khảo sát của Cục Thống kê, số lao động đang làm việc trong các doanh nghiệp công nghiệp trên địa bàn tỉnh tại thời điểm 01/9/2022 tăng 0,3% so cùng thời điểm tháng trước và giảm 2,7% so với cùng kỳ, trong đó lao động khu vực doanh nghiệp công nghiệp Nhà nước tăng 0,05% so với tháng trước và giảm 4,6% so với cùng kỳ; doanh nghiệp ngoài Nhà nước giảm 0,07% so với tháng trước và tăng 6,8% so với cùng kỳ; doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài tăng 0,4% so với tháng trước, giảm 5,2% so với cùng kỳ. Tính chung 9 tháng năm 2022, số lao động làm việc trong các doanh nghiệp công nghiệp giảm 1,9% so với cùng kỳ (*doanh nghiệp Nhà nước giảm 5,3%; doanh nghiệp ngoài nhà nước tăng 12,5%; doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài giảm 5,6%*).

IV. Tài chính, ngân hàng

1. Thu, chi ngân sách Nhà nước

Công tác quản lý thu, chi ngân sách trên địa bàn tỉnh trong 9 tháng năm 2022 tiếp tục được thực hiện tốt, đáp ứng kịp thời kinh phí để thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo an ninh quốc phòng; đáp ứng nhu cầu phục vụ nhiệm vụ chính trị và thực hiện nhiệm vụ của các cấp, các ngành và các địa phương trong tỉnh.

*** Thu ngân sách Nhà nước**

Tổng thu ngân sách Nhà nước 8 tháng năm 2022 đạt 11.988 tỷ đồng, đạt 66,6% dự toán giao năm 2022, tăng 17,1% so với cùng kỳ. Trong đó, thu nội địa

đạt 9.688,5 tỷ đồng (*chiếm 81% tổng thu*), tăng 10% so với cùng kỳ và bằng 62% dự toán cả năm; thu hoạt động xuất nhập khẩu đạt 2.229,3 tỷ đồng (*chiếm 18,5% tổng thu*), tăng 60,4% so với cùng kỳ và bằng 95,3% dự toán cả năm; còn lại các khoản thu quản lý qua ngân sách đạt 70,2 tỷ đồng (*chiếm 0,58% tổng thu*).

Trong thu nội địa, có 7/14 khoản thu tăng so với cùng kỳ, đó là: Thu từ doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài đạt 2.886 tỷ đồng, tăng 29%; thu từ khu vực dịch vụ ngoài quốc doanh đạt 1.162,2 tỷ đồng, tăng 27,8%; thu thuế thu nhập cá nhân 1.064,2, tăng 21,4%; thu tiền cho thuê đất đạt 379,5 tỷ đồng, tăng 5,9%; thu phí, lệ phí trước bạ đạt 530,5 tỷ đồng, tăng 17,2% (*trong đó thu lệ phí trước bạ đạt 347,1 tỷ đồng, tăng 13,8%*); thu khác ngân sách đạt 244,6 tỷ đồng, tăng 3,5%. Còn lại 7/14 khoản thu giảm so với cùng kỳ, trong đó, có 3 khoản thu giảm trên 15% là: Thu từ doanh nghiệp Nhà nước đạt 574,8 tỷ đồng, giảm 15,5%; thu thuế bảo vệ môi trường đạt 285,8 tỷ đồng, giảm 23,5%; thu cấp quyền khai thác khoáng sản đạt 139 tỷ đồng, giảm 21,3%; 04 khoản thu giảm dưới 10% so với cùng kỳ là: thu cấp quyền sử dụng đất đạt 2.394,2 tỷ đồng, giảm 3,4%; thu thuế sử dụng đất phi nông nghiệp đạt 13,7 tỷ đồng, giảm 5,5%; thu từ hoạt động xổ số kiến thiết đạt 8,6 tỷ đồng, giảm 6,3%; thu khác tại xã đạt 5,4 tỷ đồng, giảm 6,8 tỷ đồng.

Ước tính thu ngân sách Nhà nước trên địa bàn tỉnh 9 tháng năm 2022 đạt 13.441,6 tỷ đồng, bằng 74,7% dự toán năm, tăng 14,8% so với cùng kỳ. Trong đó, thu nội địa ước đạt 10.918 tỷ đồng, bằng 69,7% dự toán cả năm và tăng 8,7% so với cùng kỳ; thu từ hoạt động xuất nhập khẩu ước đạt 2.448 tỷ đồng, bằng 104,6% dự toán năm và tăng 51,6% so với cùng kỳ.

*** Chi ngân sách địa phương**

Chi ngân sách đại phương 8 tháng năm 2022 trên địa bàn tỉnh là 8.506 tỷ đồng, tăng 18,7% so với cùng kỳ năm 2021. Trong đó, chi đầu tư phát triển thực hiện được 2.465 tỷ đồng, tăng 22%; chi thường xuyên thực hiện chi được 4.744 tỷ đồng, giảm 1,2% so với cùng kỳ.

Trong tổng chi thường xuyên, có 4/11 khoản chi tăng so với cùng kỳ như: Chi sự nghiệp giáo dục đào tạo và dạy nghề đạt 2.028,6 tỷ đồng (+1,6%); chi đảm bảo xã hội đạt 364,7 tỷ đồng (+57,4%); chi quốc phòng an ninh địa phương đạt 233,7 tỷ đồng (+11,1%); chi khác của ngân sách đạt 45,5 tỷ đồng (+11,8). Còn lại 7/11 khoản chi giảm so với cùng kỳ là: Chi sự nghiệp kinh tế đạt 329 tỷ đồng (-25,8%); chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình đạt 325,3 tỷ đồng (-19,7%); chi sự nghiệp phát thanh truyền hình đạt 33,8 tỷ đồng (-13%); chi sự nghiệp khoa học và công nghệ đạt 27,9 tỷ đồng (-2%); chi sự văn hóa thông tin, thể dục, thể thao đạt 100,7 tỷ đồng (-2,3%); chi quản lý hành chính đạt 1.162,8 tỷ đồng (-3,9%); chi sự nghiệp bảo vệ môi trường đạt 91,9 tỷ đồng (-1,2%).

2. Hoạt động ngân hàng

Trên địa bàn tỉnh, trong 9 tháng năm 2022 thị trường tiền tệ và hoạt động ngân hàng ổn định. Đây tiếp tục là yếu tố nền tảng quan trọng để cơ chế chính

sách của Chính phủ, của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cùng với chương trình phục hồi kinh tế của tỉnh phát huy hiệu quả.

Về tình hình thực hiện lãi suất: Lãi suất huy động bằng đồng Việt Nam không kỳ hạn và kỳ hạn dưới 01 tháng là 0,2%/năm; kỳ hạn từ 01 tháng đến dưới 06 tháng là 3,3-3,5%/năm; từ 06 tháng trở lên là 4,2-6,9%/năm. Về lãi suất cho vay bằng Việt Nam đồng đối với các lĩnh vực ưu tiên là 4,5%/năm. Lãi suất cho vay lĩnh vực sản xuất kinh doanh thông thường ở mức 5-8%/năm đối với ngắn hạn, từ 7,8-9,6%/năm đối với trung và dài hạn.

Về hoạt động huy động vốn: Tổng nguồn vốn huy động của các Tổ chức tín dụng trên địa bàn đến 31/8/2022 đạt 89.924 tỷ đồng, tăng 5,94% so với 31/12/2021⁵. Ước tính đến 30/9/2022, nguồn vốn huy động đạt 90.300 tỷ đồng tăng 6,38% so với 31/12/2021.

Về hoạt động tín dụng: Dư nợ cho vay đối với nền kinh tế tính đến 31/8/2022 đạt 79.256 tỷ đồng, tăng 10,85% so với thời điểm 31/12/2021. Ước tính đến 30/9/2022, dư nợ cho vay đạt 79.500 tỷ đồng, tăng 11,19% so với thời điểm 31/12/2021.

Nợ xấu là 495 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 0,62%/tổng dư nợ.

Kết quả thực hiện Chương trình cho vay hỗ trợ phát triển kinh tế xã hội theo Nghị quyết số 11/NQ-CP:

- Triển khai thực hiện Nghị định số 31/2022/NĐ-CP về hỗ trợ lãi suất của các Ngân hàng thương mại: Đến thời điểm 15/9/2022, có 02 chi nhánh Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã thực hiện hỗ trợ lãi suất cho 04 khách hàng với dư nợ gần 45 tỷ đồng, số tiền hỗ trợ lãi suất là 58 triệu đồng.

- Triển khai thực hiện Nghị định số 36/2022/NĐ-CP về hỗ trợ lãi suất của Ngân hàng chính sách xã hội: Đến thời điểm 15/9/2022, doanh số cho vay các chương trình tín dụng theo Nghị quyết số 11/NQ-CP trên địa bàn tỉnh đạt 140,5 tỷ đồng (bằng 85,67% kế hoạch nguồn vốn được giao)⁶.

V. Thương mại - dịch vụ và giá tiêu dùng

1. Tổng mức bán lẻ hàng hoá và doanh thu dịch vụ tiêu dùng

Dịch Covid-19 được kiểm soát, các hoạt động kinh tế trở lại hoạt động bình thường như thời điểm trước khi có dịch nên tổng mức bán lẻ hàng hoá và doanh thu dịch vụ tiêu dùng phục hồi mạnh mẽ.

Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng trên địa bàn tỉnh tháng 9/2022 ước đạt 5.362,9 tỷ đồng, tăng 7,6% so với tháng trước và tăng 41,8%

⁵ Trong đó, tiền gửi từ dân cư đạt 73.037 tỷ đồng, tăng 9,87% so với 31/12/2021.

⁶ Cho vay giải quyết việc làm là 120 tỷ đồng, 2.155 khách hàng vay vốn (bằng 100% kế hoạch được giao); cho vay nhà ở xã hội đạt 12,5 tỷ đồng, 36 khách hàng vay vốn (bằng 58% kế hoạch được giao); cho vay đối với học sinh, sinh viên có hoàn cảnh gia đình khó khăn để mua máy tính, thiết bị phục vụ học tập trực tuyến là 7 tỷ đồng, 531 khách hàng vay vốn (bằng 87,4% kế hoạch được giao); chương trình cho vay cơ sở giáo dục mầm non, tiểu học ngoài công lập gần 01 tỷ đồng cho 11 khách hàng vay vốn (bằng 33% kế hoạch được giao).

so với cùng kỳ. Trong đó, khu vực kinh tế Nhà nước đạt khoảng 210,2 tỷ đồng, tăng 10,4% cùng kỳ; khu vực kinh tế ngoài Nhà nước ước đạt 5.140,3 tỷ đồng, tăng 43,4% so với cùng kỳ; khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài ước đạt 12,3 tỷ đồng, tăng 53,3% so với cùng kỳ.

Tính riêng quý III/2022, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng trên địa bàn tỉnh ước đạt 15.035,4 tỷ đồng, tăng 18,3% so với quý trước và tăng 39,6% so với cùng kỳ. Trong đó, doanh thu bán lẻ hàng hóa ước đạt 11.028,9 tỷ đồng, tăng 13,9% so với quý trước và tăng 29% so với cùng kỳ; doanh thu dịch vụ lưu trú và ăn uống ước đạt 2.131,7 tỷ đồng, tăng 51,4% so với quý trước và tăng 139,9% so với cùng kỳ; doanh thu dịch vụ lễ hành chiếm một phần rất nhỏ ước đạt 68,8 tỷ đồng, tăng 91% so với quý trước và gấp 20 lần so với cùng kỳ; doanh thu dịch vụ khác ước đạt 1.806 tỷ đồng, tăng 14,3% so với quý trước và tăng 36,5% so với cùng kỳ.

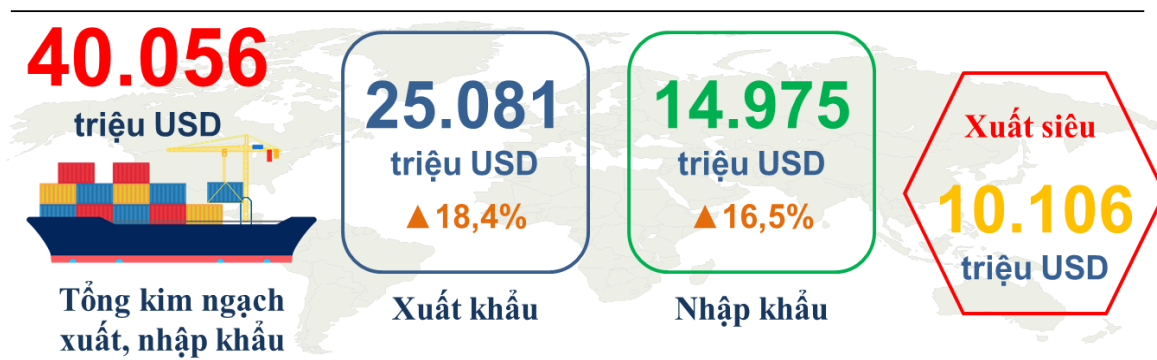
Tính chung 9 tháng năm 2022, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu tiêu dùng ước đạt 39.374,1 tỷ đồng, tăng 22,4% so với cùng kỳ. Trong đó, doanh thu bán lẻ hàng hóa ước đạt 29.946,7 tỷ đồng (*chiếm 76,1%*), tăng 18,5% so với cùng kỳ; doanh thu dịch vụ khác ước đạt 4.936,7 tỷ đồng (*chiếm 12,6%*) tăng 22,8% so với cùng kỳ; doanh thu dịch vụ lưu trú, ăn uống ước đạt 4.383,2 tỷ đồng (*chiếm 11,1%*), tăng 54,1% so với cùng kỳ; doanh thu dịch vụ du lịch, lễ hành ước đạt 107,5 tỷ đồng (*chiếm 0,3%*), tăng 295% so với cùng kỳ.

Với dự ước tình hình thương mại - dịch vụ trong quý III và 9 tháng năm 2022 như trên, để hoàn thành kế hoạch năm 2022 (*tổng mức bán lẻ hàng hoá và doanh thu dịch vụ tiêu dùng đạt 50,4 nghìn tỷ*) thì tổng mức bán lẻ hàng hoá và doanh thu dịch vụ tiêu dùng quý IV/2022 chỉ cần đạt 11,1 nghìn tỷ đồng, bằng 89% cùng kỳ và bằng 73,3% quý III/2022. Nếu trong những tháng tới vẫn duy trì được đà tăng trưởng doanh thu các nhóm ngành bán lẻ, dịch vụ lưu trú, ăn uống và dịch vụ khác như hiện nay thì sẽ hoàn thành và vượt kế hoạch tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng cả năm 2022.

Dự báo trong thời gian tới nhu cầu đối với nhiều loại hàng hóa tiêu dùng và sản xuất sẽ có xu hướng tăng cao, đặc biệt là thời điểm cuối năm. Vì vậy, các ngành chức năng cần tiếp tục tăng cường công tác chỉ đạo các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh đảm bảo cân đối cung - cầu và ổn định giá các loại hàng hóa.

2. Xuất, nhập khẩu

Trong tháng 9 và 9 tháng năm 2022, mặc dù nhu cầu hàng hóa ở các đối tác thương mại lớn như Nhật Bản, Mỹ... bị suy giảm đáng kể do lạm phát tăng cao nhưng xuất khẩu hàng hoá trên địa bàn vẫn đạt được mức tăng trưởng khá. Cán cân thương mại hàng hóa 9 tháng năm 2022 ước tính xuất siêu 10,1 tỷ USD.



2.1. Xuất khẩu

Trong tháng 9/2022, tổng giá trị xuất khẩu hàng hoá trên địa bàn tỉnh ước đạt 2,89 tỷ USD, tăng 9,5% so với cùng kỳ. Trong đó, nhóm hàng hóa xuất khẩu chủ yếu đạt giá trị xuất khẩu tăng cao so với cùng kỳ như: sản phẩm điện tử khác, linh kiện phụ tùng đạt 2,2 tỷ USD, tăng 24,9%; phụ tùng vận tải đạt 0,8 triệu USD, tăng 37,7%; nhóm sản phẩm may đạt 44,5 triệu USD, tăng 5,3%; kim loại màu và tinh quặng kim loại màu đạt 29,8 triệu USD, tăng 1,8%... Nhóm hàng hóa xuất khẩu chủ yếu đạt giá trị thấp hơn so với cùng kỳ như: chè các loại đạt 0,2 triệu USD, giảm 2,6%; giấy và các sản phẩm từ giấy đạt 0,3 triệu USD, giảm 4,4%; máy tính bảng đạt 190,5 triệu USD, giảm 9,2%; sản phẩm từ sắt thép đạt 2,8 triệu USD, giảm 14,4%; điện thoại thông minh đạt 327 triệu USD, giảm 36,9%...

Tính riêng quý III/2022, do xuất khẩu nhóm hàng điện thoại, máy tính bảng và linh kiện điện tử giảm mạnh so với quý trước (giảm 5,8%) nên giá trị hàng hoá xuất khẩu trên địa bàn ước đạt 8,3 tỷ USD, giảm 3% so với quý II nhưng vẫn tăng 1,3% so với cùng kỳ⁷. Trong số các nhóm hàng xuất khẩu chủ yếu, chỉ có 02 nhóm hàng có giá trị xuất khẩu trong quý III/2022 đạt cao hơn cùng kỳ, đó là: chè các loại đạt 0,5 triệu USD, tăng 9,4% và phụ tùng vận tải 1,4 triệu USD, tăng 43,9%; còn lại các nhóm hàng khác đều có giá trị xuất khẩu trong quý III/2022 thấp hơn so với cùng kỳ.

Tính chung 9 tháng năm 2022, tổng giá trị xuất khẩu hàng hoá trên địa bàn tỉnh ước đạt 25,1 tỷ USD, tăng 18,4% so với cùng kỳ và bằng 78,3% kế hoạch. Trong đó, xuất khẩu địa phương đạt 516 triệu USD, tăng 18,7% và bằng 81,8% kế hoạch.

Chiếm tỷ trọng lớn nhất (95,4%) trong cơ cấu giá trị xuất khẩu hàng hoá 9 tháng năm 2022 là nhóm điện thoại, máy tính bảng và điện tử khác ước đạt 23,9 tỷ USD, tăng 19,7% so với cùng kỳ⁸. Một số sản phẩm có giá trị xuất khẩu trong 9 tháng năm 2022 đạt cao hơn so với cùng kỳ như: kim loại màu và tinh quặng kim loại màu đạt 231,3 triệu USD, tăng 22,8%; phụ tùng vận tải đạt 5 triệu USD, tăng 19,9%; sản phẩm từ sắt thép đạt 29,1 triệu USD, tăng 19,8%; giấy và các sản

⁷ Trong đó, sản phẩm điện tử khác, linh kiện phụ tùng tăng 28,4%; máy tính bảng giảm 10,9% và điện thoại thông minh chỉ bằng 44,8% cùng kỳ.

⁸ Chia ra, sản phẩm điện tử khác và phụ tùng đạt 18,3 tỷ USD, tăng 48,1%; máy tính bảng đạt 2,1 tỷ USD, tăng 19,7%; điện thoại thông minh đạt 3,6 tỷ USD, giảm 39,5% so với cùng kỳ.

phẩm từ giấy đạt 2,9 triệu USD, tăng 5,6%; chè các loại đạt 1,6 triệu USD, tăng 2,6%; sản phẩm may đạt 348,5 triệu USD, tăng 2,3%...

Toàn bộ giá trị xuất khẩu trên địa bàn trong 9 tháng năm 2022 là xuất khẩu theo hình thức trực tiếp. Thị trường xuất khẩu lớn nhất là Châu Á chiếm tỷ trọng khoảng 30% tổng giá trị xuất khẩu (chủ yếu ở thị trường Hàn Quốc, các tiểu vương quốc Ả-rập Thống Nhất, Thái Lan, Nhật, Malaysia,...) tiếp đến là Châu Mỹ chiếm tỷ trọng khoảng 25% tổng giá trị xuất khẩu (chủ yếu là thị trường Mỹ)...

Với kết quả giá trị xuất khẩu ước tính 9 tháng năm 2022 như trên, để hoàn thành mục tiêu xuất khẩu năm 2022 (đạt 32.022 triệu USD) thì giá trị xuất khẩu quý IV/2022 phải đạt 6,94 tỷ USD, bằng 87,7% cùng kỳ và bằng 83,6% giá trị xuất khẩu quý III/2022. Tuy nhiên, trong bối cảnh nguy cơ lạm phát, suy thoái kinh tế ở Châu Âu và Mỹ; tình hình chiến sự Nga - Ukraine dẫn đến nguy cơ khủng hoảng năng lượng, lương thực có thể kéo dài, tạo áp lực lên thu nhập khả dụng của người dân nhiều nước trên thế giới khiến cho nhu cầu tiêu thụ hàng hoá nhập khẩu của những nước này giảm. Thực tế cũng cho thấy giá trị xuất khẩu hàng hoá của tỉnh trong quý III/2022 đã giảm 3% so với quý II/2022. Mặc dù vậy, các cấp, ngành và cộng đồng doanh nghiệp của tỉnh đang và sẽ tiếp tục nỗ lực phát triển sản xuất, tận dụng tốt các thị trường, khai thác tối đa các hiệp định thương mại để duy trì tăng trưởng xuất khẩu và hoàn thành mục tiêu xuất khẩu năm 2022.

2.2. Nhập khẩu

Giá trị hàng hoá nhập khẩu trong tháng 9/2022 ước đạt gần 1,6 tỷ USD, tăng 2% so với cùng kỳ. Trong đó, khu vực kinh tế trong nước nhập khẩu 32,3 triệu USD, tăng 25,5% so với cùng kỳ; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài nhập khẩu 1,6 tỷ USD, tăng 1,6% so với cùng kỳ. Chiếm tỷ trọng lớn nhất (93,8%) trong cơ cấu hàng hoá nhập khẩu của tỉnh trong tháng 9/2022 là nhóm hàng nguyên liệu và linh kiện điện tử phục vụ cho sản xuất ước đạt 1,5 tỷ USD, tăng 1,2% so với cùng kỳ; chất dẻo (plastic) nguyên liệu đạt 15,1 triệu USD, tăng 60,5%; máy móc, thiết bị, dụng cụ, phụ tùng ước 12,8 triệu USD, giảm 7,4% so với cùng kỳ; vải các loại 12,6 triệu USD, tăng 9,4% so với cùng kỳ...

Tính riêng quý III/2022, giá trị hàng hoá nhập khẩu trên địa bàn ước đạt gần 4,6 tỷ USD, giảm 3,3% so với cùng kỳ. Trong đó, khu vực kinh tế trong nước nhập khẩu 97,6 triệu USD, tăng 6,3% so với cùng kỳ; khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài nhập khẩu gần 4,5 tỷ USD, giảm 3,4% so với cùng kỳ. Chiếm tỷ trọng lớn nhất (*khoảng 93,6%*) trong cơ cấu hàng hoá nhập khẩu của tỉnh trong quý III/2022 vẫn là nhóm hàng nguyên liệu và linh kiện điện tử đạt 4,3 tỷ USD, giảm 3,7% so với cùng kỳ.

Tính chung 9 tháng năm 2022, tổng giá trị hàng hoá nhập khẩu trên địa bàn ước đạt gần 15 tỷ USD, tăng 16,5% so với cùng kỳ. Trong đó, khu vực kinh tế trong nước ước đạt 315,5 triệu USD, tăng 33% so với cùng kỳ; khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài ước đạt 14,6 tỷ USD, tăng 16,2% so với cùng kỳ. Các mặt hàng ước tính có giá trị nhập khẩu trong 9 tháng năm 2022 đạt cao so với

cùng kỳ như: nguyên liệu chế biến thức ăn gia súc đạt 42,4 triệu USD, tăng 44%; sản phẩm từ sắt thép đạt 32,9 triệu USD, tăng 37,2%; giấy các loại đạt 5,2 triệu USD, tăng 32,8%; chất dẻo (plastic) nguyên liệu đạt 86,4 triệu USD, tăng 22,9%; nguyên liệu và linh kiện điện tử đạt 14,1 tỷ USD, tăng 15,8%; vải và nguyên phụ liệu dệt may đạt 167,4 triệu USD, tăng 10,5%; máy móc thiết bị và dụng cụ phụ tùng đạt 109,1 triệu USD, tăng 7,2%...

Các mặt hàng nhập khẩu trong 9 tháng đầu năm 2022 đều được nhập khẩu theo hình thức trực tiếp, chủ yếu là nhập khẩu từ thị trường Châu Á như: Hàn Quốc, Trung Quốc, Nhật Bản... Trong đó, mặt hàng nhập khẩu từ thị trường Hàn Quốc, Nhật Bản là sản phẩm điện tử và linh kiện điện tử; máy móc, thiết bị, dụng cụ, phụ tùng khác... Đối với thị trường Trung Quốc, mặt hàng nhập khẩu chủ yếu là nguyên phụ liệu dệt may, vải các loại...

3. Vận tải

Doanh thu vận tải kho bãi trên địa bàn tháng 9/2022 ước đạt 581,6 tỷ đồng, tăng 8% so với tháng trước và tăng 45,6% so với cùng kỳ. Trong đó, doanh thu vận tải hàng hóa ước đạt 418,7 tỷ đồng, tăng 6,1% so với tháng trước và tăng 37,2% so với cùng kỳ; doanh thu vận tải hành khách ước đạt 103,7 tỷ đồng, tăng 15,9% so với tháng trước và tăng 85,7% so với cùng kỳ; doanh thu dịch vụ hỗ trợ vận tải ước đạt 59,3 tỷ đồng, tăng 9,1% so với tháng trước và tăng 53,7% so với cùng kỳ⁹.

Tính riêng quý III/2022, doanh thu vận tải kho bãi trên địa bàn tỉnh ước đạt 1.662,5 tỷ đồng, tăng 40,2% so với cùng kỳ. Trong đó, doanh thu vận tải hàng hóa ước đạt 1.205,8 tỷ đồng, tăng 34,3% so với cùng kỳ; doanh thu vận tải hành khách ước đạt 286,1 tỷ đồng, tăng 69,3% so với cùng kỳ; doanh thu dịch vụ hỗ trợ vận tải ước đạt 170,5 tỷ đồng, tăng 44,1% so với cùng kỳ¹⁰.

Tính chung 9 tháng năm 2022, doanh thu hoạt động vận tải, kho bãi trên địa bàn tỉnh ước đạt 4.422 tỷ đồng, tăng 17% so với cùng kỳ; trong đó, doanh thu vận tải hàng hoá ước đạt 3.271,5 tỷ đồng, tăng 14,9%; doanh thu vận tải hành khách ước đạt 718,8 tỷ đồng, tăng 23,8%; hoạt động dịch vụ hỗ trợ vận tải ước đạt 431,7 tỷ đồng, tăng 23,4% so với cùng kỳ.

- **Vận tải hành khách:** Hành khách vận chuyển tháng 9/2022 ước đạt 2,4 triệu lượt khách với khối lượng luân chuyển là 109,4 triệu hành khách.km, so với tháng trước tăng 15,3% về khối lượng vận chuyển và tăng 15,7% về khối lượng luân chuyển; so với cùng kỳ tăng 67,7% về khối lượng vận chuyển và tăng 71,7% về khối lượng luân chuyển.

⁹ Trong đó, doanh thu hoạt động bưu chính, chuyển phát ước đạt 13 tỷ đồng, tăng 7,1% so với tháng trước và tăng 56,5% so với cùng kỳ.

¹⁰ Trong đó, doanh thu hoạt động kho bãi và dịch vụ hỗ trợ vận tải ước đạt 133,5 tỷ đồng, tăng 42,4%; doanh thu hoạt động bưu chính, chuyển phát ước đạt 37,1 tỷ đồng, tăng 31,5% so với cùng kỳ.

Tính riêng quý III/2022, số lượng hành khách vận chuyển ước đạt 6,5 triệu hành khách với khối lượng luân chuyển đạt 300,9 triệu hành khách.km, tăng 53,3% về khối lượng vận chuyển và tăng 56,3% về khối lượng luân chuyển so với cùng kỳ.

Tính chung 9 tháng năm 2022, khối lượng hành khách vận chuyển ước đạt 17 triệu lượt khách, tăng 19,2% so với cùng kỳ; khối lượng hành khách luân chuyển ước đạt 781,9 triệu hành khách.km, tăng 19% so với cùng kỳ.

- **Vận tải hàng hóa:** Khối lượng hàng hóa vận chuyển tháng 9/2022 ước đạt 4,5 triệu tấn với khối lượng luân chuyển ước đạt 182,9 triệu tấn.km, so với tháng trước tăng 7,6% về khối lượng vận chuyển và tăng 6,7% về khối lượng luân chuyển; so với cùng kỳ tăng 24,7% về khối lượng vận chuyển và tăng 27,2% về khối lượng luân chuyển.

Trong quý III/2022 số lượng hàng hóa vận chuyển ước đạt 12,9 triệu tấn với khối lượng luân chuyển đạt 524,6 triệu tấn.km, so với cùng kỳ tăng 20,5% về khối lượng vận chuyển và tăng 24,1% về khối lượng hàng hóa luân chuyển.

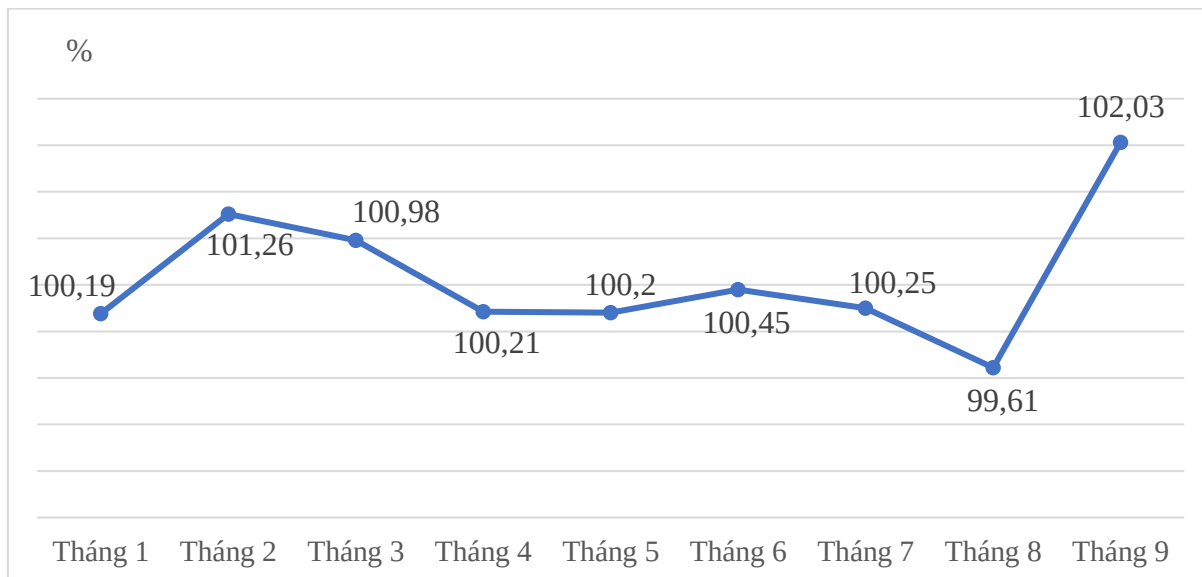
Tính chung 9 tháng năm 2022, khối lượng hàng hóa vận chuyển ước đạt 36,6 triệu tấn, tăng 9,4% so với cùng kỳ, với khối lượng hàng hóa luân chuyển ước đạt 1.490,1 triệu tấn.km, tăng 10,4% so với cùng kỳ.

4. Giá tiêu dùng

Trong tháng 9, mặc dù Nhà nước điều chỉnh giảm giá xăng theo giá thế giới làm cho chỉ số giá nhóm nhiên liệu giảm 5,81% so với tháng trước, kéo theo chỉ số giá nhóm giao thông giảm 3,24% nhưng do từ ngày 09/9/2022 tỉnh Thái Nguyên áp dụng mức thu học phí mới đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập thuộc hệ thống giáo dục quốc dân năm học 2022-2023 thuộc tỉnh quản lý (theo Nghị quyết số 18/2022/NQ-HĐND ngày 29/8/2022 của HĐND tỉnh Thái Nguyên) đã làm cho chỉ số giá nhóm giáo dục tăng mạnh 67,08% (trong đó, chỉ số giá nhóm dịch vụ giáo dục tăng 85,3%) so với tháng trước nên chỉ số giá tiêu dùng chung (CPI) tháng 9/2022 tăng 2,03% so với tháng trước, tăng 5,88% so với cùng kỳ và tăng 5,28% so với tháng 12/2021.

So với tháng trước, CPI tháng 9/2022 tăng 2,03%. Đây là tháng có CPI so với tháng trước tăng cao nhất tính từ đầu năm 2022. Có 6/11 nhóm hàng hóa, dịch vụ có chỉ số giá tăng là: nhóm giáo dục, tăng 67,08%, đóng góp 2,84 điểm phần trăm vào mức tăng CPI chung; nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống tăng 0,45% (nhóm lương thực tăng 0,07%, thực phẩm tăng 0,62%); nhóm nhà ở, điện, nước, chất đốt và vật liệu xây dựng tăng 0,2% (giá dịch vụ sửa chữa nhà ở tăng 1,33% do giá thuê nhân công tăng; giá nước sinh hoạt tăng 0,87%; giá điện sinh hoạt tăng 0,83% do nhu cầu người tiêu dùng tăng...); nhóm hàng hóa và dịch vụ khác tăng 0,06%; nhóm thiết bị và đồ dùng gia đình tăng 0,04%; nhóm may mặc, mũ, nón, giày dép tăng 0,02%. Có 2/11 nhóm hàng hóa, dịch vụ có chỉ số giá giảm là: nhóm giao thông giảm 3,24% (do Nhà nước điều chỉnh giảm giá bán xăng 03 lần vào các ngày 5/9, 11/9 và 21/9 làm giá xăng giảm 6%; giá phương tiện đi lại giảm 1,93%

do các cơ sở kinh doanh giảm giá bán xe máy để kích cầu tiêu dùng; giá dịch vụ giao thông công cộng giảm 0,07%); nhóm văn hóa, giải trí và du lịch giảm 0,48% (do giá du lịch trọn gói giảm 2,14%). 3 nhóm hàng hóa, dịch vụ còn lại có chỉ số giá không thay đổi là: nhóm đồ uống và thuốc lá; nhóm thuốc và dịch vụ y tế; nhóm bưu chính, viễn thông.



CPI các tháng năm 2022 so với tháng trước

So với tháng 12/2021, CPI tháng 9/2022 tăng 5,28%. Trong đó, có 10 nhóm hàng hóa, dịch vụ có chỉ số giá tăng và 01 nhóm hàng hóa, dịch vụ có chỉ số giá giảm (nhóm bưu chính viễn thông giảm 0,57%). Trong 10 nhóm hàng hóa, dịch vụ có chỉ số giá tăng thì có 02 nhóm có chỉ số giá tăng cao hơn mức tăng chỉ số giá chung là: nhóm giáo dục tăng 67,64% (riêng chỉ số giá dịch vụ giáo dục tăng 85,71%), đóng góp 2,87 điểm phần trăm vào mức tăng của CPI chung; nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống tăng 6,91% (nhóm lương thực tăng 1,93%; nhóm thực phẩm tăng 7,93%; nhóm ăn uống ngoài gia đình tăng 6,65%); còn lại đều có chỉ số giá tăng thấp hơn mức tăng chỉ số giá chung, cụ thể: nhóm đồ uống và thuốc lá (+2,98%); nhóm nhà ở, điện, nước, chất đốt và vật liệu xây dựng (1,79%); nhóm thiết bị đồ dùng gia đình (+1,61%); nhóm giao thông (+1,09%); nhóm hàng hóa và dịch vụ khác (+0,99%); nhóm văn hóa, giải trí và du lịch (+0,64%); nhóm may mặc, mũ nón và giày dép (+0,17%); nhóm thuốc và dịch vụ y tế (+0,08%).

So với cùng kỳ năm trước (tháng 9/2021), CPI tháng 9/2022 tăng 5,88%. Trong 11 nhóm hàng tiêu dùng chính có 10 nhóm tăng giá và 01 nhóm giảm giá là nhóm bưu chính viễn thông giảm 0,57%. Trong đó, nhóm giáo dục có chỉ số giá tăng cao nhất 67,67%, đóng góp 2,87 điểm phần trăm vào mức tăng CPI chung; tiếp đến là nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống tăng 7,22%; nhóm giao thông tăng 4,94%; nhóm nhà ở, chất đốt và vật liệu xây dựng tăng 1,79%; nhóm đồ dùng, dụng cụ, trang thiết bị gia đình tăng 1,61%; nhóm giao thông tăng 1,09%; các nhóm còn lại đều có chỉ số giá tăng dưới 1%, dao động từ 0,02% đến 0,06%.

Tính riêng quý III/2022, CPI tăng 1,03% so với quý trước, tăng 4,18% so với cùng kỳ. Trong 11 nhóm hàng hóa, dịch vụ tính chỉ số giá, có 10 nhóm hàng hóa,

dịch vụ có chỉ số giá quý III/2022 tăng so với cùng kỳ; trong đó, tăng cao nhất là nhóm giáo dục tăng 19,12% (*do giá dịch vụ giáo dục tăng 23,08%*); nhóm giao thông tăng 8,77% (*do giá xăng dầu tăng 21,01%*); nhóm giá hàng ăn và dịch vụ ăn uống tăng 5,63%; nhóm đồ uống và thuốc lá tăng 3,36%; các nhóm hàng hóa, dịch vụ còn lại có mức tăng dao động từ 0,15% đến 1,67%. Nhóm duy nhất có chỉ số giá bình quân quý III/2022 giảm so với cùng kỳ là nhóm bưu chính, viễn thông giảm 0,69%.

Tính chung 9 tháng năm 2022 chỉ số giá tiêu dùng bình quân tăng 3,13% so với cùng kỳ năm trước. Nhóm duy nhất có chỉ số giá giảm là nhóm bưu chính, viễn thông giảm 0,37%. 10 nhóm hàng hóa, dịch vụ còn lại đều có chỉ số giá tăng. Trong đó, tăng cao nhất là nhóm giao thông, tăng 13,99% (*do giá xăng tăng 40,62%; giá dầu tăng 61,26%; kéo theo giá dịch vụ giao thông công cộng tăng 13,25%*), đóng góp 0,55 điểm phần trăm vào mức tăng CPI chung; tiếp đến là nhóm giáo dục tăng 6,34% (*riêng giá dịch vụ giáo dục tăng 7,23%*); nhóm đồ uống và thuốc lá tăng 3,36%; nhóm nhà ở, điện, nước, chất đốt và vật liệu xây dựng tăng 3,14% (*do giá gas tăng 17,86%; giá vật liệu bảo dưỡng nhà ở tăng 6,27% do giá sắt, thép, xi măng, cát, sỏi... tăng*); các nhóm hàng hóa, dịch vụ còn lại có chỉ số giá tăng thấp hơn mức tăng chỉ số giá chung, với mức tăng dao động từ 0,16% đến 1,85%.

Chỉ số giá vàng: Giá vàng trong nước biến động cùng chiều với giá vàng thế giới, chỉ số giá vàng tháng 9/2022 giảm 2,23% so với tháng trước; giảm 0,21% so với cùng kỳ năm trước và giảm 1,52% so với tháng 12/2021. Bình quân 9 tháng năm 2022, chỉ số giá vàng tăng 1,99 % so với cùng kỳ.

Chỉ số giá đô la Mỹ: Chỉ số giá Đô la Mỹ tháng 9/2022 tăng 0,74 % so với tháng trước; tăng 4,03% so với cùng kỳ năm trước và tăng 3,05% so với tháng 12/2021. Bình quân 9 tháng năm 2022, chỉ số giá Đô la Mỹ tăng 0,86% so với cùng kỳ.

B. MỘT SỐ VẤN ĐỀ XÃ HỘI

1. Lao động, việc làm

Nhìn chung, thị trường lao động trong quý III/2022 cả nước nói chung và tỉnh Thái Nguyên nói riêng có nhiều khởi sắc. Số lao động bị ảnh hưởng tiêu cực bởi đại dịch Covid-19 đã giảm mạnh, số người gia nhập lực lượng lao động tiếp tục tăng, lao động có việc làm tăng mạnh, thị trường lao động tăng trưởng mang tính bền vững hơn với mức tăng tập trung chủ yếu ở lao động có việc làm chính thức, tỷ lệ thất nghiệp và thiếu việc làm đều giảm, thu nhập của người lao động tiếp tục được cải thiện.

Về tình hình sử dụng lao động của doanh nghiệp: Số lao động đang làm việc trong các doanh nghiệp công nghiệp tại thời điểm đầu quý III/2022 (01/7/2022) tăng 0,42% so cùng thời điểm tháng trước và tăng 0,24% so với cùng kỳ. Trong đó, lao động khu vực doanh nghiệp công nghiệp Nhà nước tăng 0,01% so với tháng trước, giảm 5,1% so với cùng kỳ; khu vực doanh nghiệp ngoài Nhà nước giảm 1,02% so với tháng trước và tăng 15,85% so với cùng kỳ (*trong đó*

tăng chủ yếu ở các doanh nghiệp sản xuất hàng may mặc); khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài tăng 1,03% so với tháng trước, giảm 3,76% so với cùng kỳ.

Tính chung 9 tháng năm 2022, số lao động làm việc trong các doanh nghiệp công nghiệp giảm 1,87% so với cùng kỳ (doanh nghiệp Nhà nước giảm 5,32%; doanh nghiệp ngoài Nhà nước tăng 12,51%; doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài giảm 5,59%). Nếu chia theo ngành hoạt động: Ngành khai khoáng giảm 6,39% so với cùng kỳ; ngành công nghiệp chế biến, chế tạo giảm 1,83%; ngành sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí giảm 2,93% so với cùng kỳ; ngành cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải tăng 3,15%.

Tình hình xuất khẩu lao động: Tính từ ngày 01/01/2022 đến đầu tháng 9/2022, số lượng lao động trên địa bàn tỉnh được xuất cảnh đi làm việc ở nước ngoài là 1.196 người, tăng 89,24% so với cùng kỳ. Trong đó, có 514 người lao động là nữ; thị trường xuất khẩu lao động chủ yếu là Đài Loan (605 người); Nhật Bản (563 người); Singapore (15 người), và một số quốc gia khác như: Nga, Trung Quốc, Indonesia...

Tình hình tiếp nhận và giải quyết chế độ bảo hiểm thất nghiệp và hỗ trợ học nghề: Tính đến đầu tháng 9/2022 số người nộp hồ sơ đề nghị hưởng trợ cấp thất nghiệp là 7.438 người, trong đó có 7.106 người đã được ngành chức năng ra quyết định hưởng trợ cấp thất nghiệp, hỗ trợ học nghề với số tiền được chi trả là trên 130 tỷ đồng (*mức hưởng trợ cấp thất nghiệp bình quân là 3,3 triệu đồng và số tháng hưởng trợ cấp thất nghiệp bình quân là 5,1 tháng*). Số người chấm dứt hưởng trợ cấp thất nghiệp là 6.103 người, trong đó có 5.702 người hết thời gian hưởng trợ cấp thất nghiệp, 269 người có việc làm và 51 người không thông báo tìm việc làm trong 03 tháng liên tục. Bên cạnh đó, tính đến đầu tháng 9/2022 đã có 422 người đang hưởng trợ cấp thất nghiệp được hỗ trợ học nghề với số tiền chi trả là trên 2,2 tỷ đồng.

Kết quả Thực hiện chính sách hỗ trợ tiền thuê nhà cho người lao động theo Quyết định số 08/2022/QĐ-TTg ngày 28/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ: Đến thời điểm đầu tháng 9, tổng hồ sơ đã tiếp nhận của 127 doanh nghiệp, 27.374 người lao động, với số tiền là 36.771,5 triệu đồng¹¹ (*đạt 80,5% so với số dự kiến kinh phí tháng 5 là 45.667 triệu đồng; đạt 88,8% so với số dự kiến kinh phí tháng 8 là 41.410 triệu đồng*).

2. Thực hiện chính sách ưu đãi đối với người có công, giảm nghèo và bảo trợ xã hội

Thực hiện chính sách ưu đãi người có công: Ngành chức năng của tỉnh tiếp tục thực hiện tốt công tác quản lý nhà nước đối với hơn 130.000 người có công với cách mạng; chỉ đạo thực hiện chi trả đúng, đủ, kịp thời trợ cấp hàng tháng cho hơn 20.000 người có công; tiếp tục đẩy mạnh công tác xã hội hoá nhằm cải thiện

¹¹ Hỗ trợ 26.444 người lao động đang làm việc trong doanh nghiệp với số tiền là 35.354,5 triệu đồng; hỗ trợ 930 người lao động quay trở lại thị trường lao động với số tiền là 1.417 triệu đồng.

đời sống vật chất, tinh thần cho người có công được triển khai sâu rộng, thông qua các phong trào “*Đền ơn đáp nghĩa*”, “*Uống nước nhớ nguồn*” và xây dựng xã, phường làm tốt công tác thương binh, liệt sĩ.

Nhân dịp Tết Nguyên đán Nhâm Dần 2022, toàn tỉnh đã thăm, tặng 45.423 suất quà, với số tiền là 17.836 triệu đồng cho đối tượng người có công, thân nhân người có công¹².

Nhân dịp kỷ niệm 75 năm ngày Thương binh - Liệt sĩ (27/7/1947 - 27/7/2022), các hoạt động kỷ niệm được của tỉnh đã được tổ chức trang trọng, chu đáo, thiết thực, hiệu quả. Các cấp, các ngành, các tổ chức, đơn vị và Nhân dân đã tổ chức nhiều hoạt động tri ân, thể hiện lòng biết ơn đối với sự cống hiến, hy sinh của các anh hùng liệt sĩ, thương binh, bệnh binh và người có công với cách mạng trong sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc và bảo vệ Tổ quốc. Toàn tỉnh đã thăm, tặng 75.457 suất quà với số tiền là 22.506 triệu đồng cho đối tượng người có công, thân nhân người có công¹³.

Quỹ “*Đền ơn đáp nghĩa*” năm 2022 toàn tỉnh nhận được số tiền là 8.952 triệu đồng, trong đó, quỹ cấp tỉnh là 3.560 triệu đồng. Phối hợp với Quỹ Thiện Tâm tặng quà cho 179 thương, bệnh binh nặng (có tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 81% trở lên) với số tiền là 2.680 triệu đồng. Giải quyết chế độ mai táng phí cho 606 trường hợp với số tiền là 8.883,1 triệu đồng. Giải quyết chế độ điều dưỡng năm 2022 cho 6.209 người với số tiền là 13.088 triệu đồng.

Thực hiện rà soát nhu cầu hỗ trợ nhà ở của người có công giai đoạn 2021-2025. Kết quả có 1.627 người có công, thân nhân liệt sĩ có nhu cầu hỗ trợ nhà ở, trong đó, có 675 nhà xây mới và 952 nhà sửa chữa.

Công tác giảm nghèo, bảo trợ xã hội: Công tác giảm nghèo và an sinh xã hội tiếp tục được quan tâm chỉ đạo, triển khai thực hiện có hiệu quả. Các địa phương, cơ sở tiếp tục duy trì các mô hình hỗ trợ hộ nghèo phát triển kinh tế bền vững. Tăng cường công tác đào tạo nghề, giới thiệu việc làm cho các hộ nghèo, hộ cận nghèo đặc biệt là khu vực nông thôn, miền núi, vùng đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống. Lòng ghép các hoạt động giảm nghèo trong chương trình Mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới.

Triển khai ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý hộ nghèo, hộ cận nghèo trực tuyến. Đến nay, 100% xã, phường, thị trấn đã hoàn thành nhập dữ liệu 20.595 hộ nghèo và 16.203 hộ cận nghèo đầu kỳ theo chuẩn mới giai đoạn 2022-2025; đồng thời in cấp giấy chứng nhận cho 36.798 hộ nghèo, hộ cận nghèo để làm căn cứ thực hiện quyền lợi hưởng chính sách hỗ trợ giảm nghèo.

3. Công tác bảo vệ và chăm sóc trẻ em

¹² Trong đó, quà Chủ tịch nước là 20.498 suất (mức 600.000đ là 807 suất với số tiền là 505 triệu đồng; mức 300.000 đồng là 19.691 suất với số tiền là 5.907 triệu đồng).

¹³ Trong đó quà Chủ tịch nước là 20.213 suất quà, trong đó mức 600.000đ là 731 suất, với số tiền là 731 triệu đồng; mức 300 là 19.482 suất, với số tiền là 5.844 triệu đồng.

Trong 9 tháng năm 2022, tiếp tục thực hiện đồng bộ các chủ trương, chính sách về bảo vệ chăm sóc trẻ em, bình đẳng giới và tiến bộ phụ nữ; tiếp tục huy động nguồn lực hỗ trợ phụ nữ và trẻ em có hoàn cảnh khó khăn.

Ngành chức năng của tỉnh đã phối hợp với Hội Thiện nguyện SAP-VN tổ chức khám sàng lọc cho trẻ em bị khuyết tật hệ vận động năm 2022. Kết quả đã có 173 trẻ em được khám sàng lọc và 52 trẻ em được chỉ định phẫu thuật, đưa 56 trẻ em của tỉnh tham gia chương trình khám sàng lọc, phẫu thuật dị tật vùng hàm mặt năm 2022 (24 trẻ em được chỉ định phẫu thuật), cấp dụng cụ chỉnh hình. Xây dựng Kế hoạch tổ chức Liên hoan các Đội tuyên truyền măng non về Luật trẻ em; phòng, chống đuối nước và phòng, chống dịch Covid-19 năm 2022; thăm hỏi, hỗ trợ trẻ em mắc bệnh hiểm nghèo, bị tử vong do đuối nước, trẻ em bị xâm hại tình dục từ nguồn Quỹ Bảo trợ trẻ em của tỉnh.

Tổ chức các hoạt động Trung thu năm 2022: phối hợp với doanh nghiệp và Hội Bảo trợ người khuyết tật và trẻ mồ côi Việt Nam tổ chức chương trình Trung thu năm 2022 với chủ đề: “*Mùa thu hữu nghị - mùa thu yêu thương*”; tại chương trình đã trao quà, học bổng, xe đạp cho 120 trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt; hỗ trợ trao quà cho 260 trẻ em tại các đơn vị và 9 huyện, thành phố với tổng số tiền gần 300 triệu đồng...

4. Hoạt động văn hóa, thông tin và thể dục, thể thao

Trong 9 tháng năm 2022, ngành chức năng của tỉnh đã tổ chức có hiệu quả các hoạt động kỷ niệm các ngày lễ, sự kiện của tỉnh, mừng Đảng, mừng Xuân Nhâm Dần 2022; tổ chức thành công chương trình khởi động mở cửa lại hoạt động du lịch trên địa bàn tỉnh trong điều kiện bình thường mới; khai mạc mùa du lịch, thực hiện tuyên truyền quảng bá du lịch Thái Nguyên trên website Du lịch Thái Nguyên, cổng du lịch thông minh và các kênh trên nền tảng mạng xã hội.

Hoạt động văn hóa: Trong 9 tháng năm 2022, đã tập trung tổ chức thực hiện các hoạt động mừng Đảng, mừng Xuân; các ngày lễ, ngày kỷ niệm của tỉnh, của đất nước¹⁴. Tiếp tục thực hiện quy trình sản xuất phim truyện về Đại đội Thanh niên xung phong 915, Đội 91 Bắc Thái; thành lập đoàn cán bộ, diễn viên, nhạc công, kỹ thuật, phục vụ, phê duyệt kịch bản phân cảnh vở chèo “*Lưu Xá một thời hoa lửa*” tham gia Liên hoan Sân khấu chèo toàn quốc năm 2022. Tổ chức cấp phát sách cho các xã đặc biệt khó khăn; tham gia các hoạt động tại Làng Văn hóa các dân tộc Việt Nam; tham gia Hội diễn toàn quốc “*Tiếng hát công nhân, người lao động năm 2022*”; tổ chức xây dựng, hỗ trợ câu lạc bộ văn hóa văn nghệ hoạt động hiệu quả phục vụ phát triển du lịch...

¹⁴ Tuyên truyền kỷ niệm 47 năm Ngày giải phóng Miền Nam, thống nhất đất nước (30/4/1975-30/4/2022); 136 năm Ngày Quốc tế lao động (1/5/1886-1/5/2022); Tuyên truyền Ngày Giỗ tổ Hùng Vương; Tuyên truyền kỷ niệm Ngày Thương binh liệt sỹ (27/7/1947-27/7/2022); Tổ chức các hoạt động kỷ niệm 77 năm Ngày Cách mạng tháng Tám thành công (19/8/1945-19/8/2022) và Ngày Quốc khánh nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (02/9/1945-02/9/2022) gắn với kỷ niệm 77 năm Ngày thành lập chính quyền cách mạng tỉnh Thái Nguyên (20/8/1945 - 20/8/2022) kỷ niệm 105 năm khởi nghĩa Thái Nguyên (30/8/1917- 30/8/2022).

Phong trào Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa: Tuyên truyền trực quan hưởng ứng Ngày Quốc tế hạnh phúc (20/3) và Ngày Thế giới xóa bỏ bạo lực đối với phụ nữ và trẻ em gái (25/11). Tổ chức thành công hoạt động chuyên đề hưởng ứng Tháng hành động quốc gia về phòng, chống bạo lực gia đình và kỷ niệm Ngày Gia đình Việt Nam (28/6) với chủ đề “*Xây dựng và giữ gìn hạnh phúc gia đình trong bối cảnh thời 4.0*” và tập huấn nghiệp vụ quản lý thiết chế văn hóa, thể thao.

Hoạt động bảo tàng: Thực hiện khảo sát, sưu tầm 66 đơn vị hiện vật; tổ chức triển lãm chủ đề “*Bác Hồ với ATK Thái Nguyên*” và “*Di sản văn hóa Thần Sa và Tiềm năng thiên nhiên Thái Nguyên*”; thực hiện công tác số hóa 300 hiện vật, nhập 386 đơn vị hiện vật vào kho cơ sở... Tại Không gian Văn hóa Trà Tân Cương và 02 phòng trưng bày chuyên đề trong 9 tháng năm 2022 đã đón trên 6.400 lượt khách tham quan.

Hoạt động khu di tích lịch sử và sinh thái ATK-Định Hóa: Thực hiện sưu tầm tài liệu, hiện vật về Chủ tịch Hồ Chí Minh, các đồng chí lãnh đạo Đảng, Nhà nước, các cơ quan, đơn vị quân đội ở và làm việc tại chiến khu Việt Bắc trong thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp; tiếp nhận hiện vật Tượng mạ vàng chân dung Đại tướng Võ Nguyên Giáp; bổ sung, trưng bày triển lãm ảnh “*Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức và phong cách Hồ Chí Minh*” tại Nhà trưng bày Bảo tàng.

Hoạt động phát hành phim và chiếu bóng: Tổ chức 315 buổi chiếu phim, trong đó 100 buổi chiếu phục vụ các xã đặc biệt khó khăn, 180 buổi chiếu phục vụ đối tượng chính sách và 35 buổi chiếu phục vụ nhiệm vụ chính trị. Số lượt người xem gần 13.720 lượt người.

Hoạt động thư viện: Cấp 279 thẻ bạn đọc, phục vụ 26.897 lượt bạn đọc; luân chuyển 53.945 lượt sách báo; phục vụ 749 lượt bạn đọc đến tìm hiểu, học tập, tra cứu thông tin tại phòng Internet; trên 66.845 lượt truy cập website của Thư viện tỉnh. Thực hiện 36 cuộc giới thiệu sách trên Đài phát thanh truyền hình tỉnh; in và phát hành 90 bản lược thuật báo Trung ương viết về Thái Nguyên; phối hợp tổ chức Hội báo Xuân, phòng đọc báo Xuân Nhâm Dần. Tổ chức thành công Ngày Sách và Văn hoá Đọc; tổ chức cuộc thi “*Đại sứ Văn hóa Đọc tỉnh Thái Nguyên*”, hội thi “*Thiếu nhi kể chuyện theo sách tỉnh Thái Nguyên*”.

Hoạt động thể thao: Tổ chức Đại hội thể dục thể thao (TDTT) tỉnh Thái Nguyên lần thứ IX, năm 2022; hướng dẫn các địa phương tổ chức Đại TDTT cơ sở; đến nay 178/178 xã, phường, thị trấn trên toàn tỉnh đã tổ chức thành công Đại hội thể dục thể thao cơ sở; 9/9 huyện, thành phố đã tổ chức Đại hội TDTT.

Đảng cai tổ chức thành công 2/3 giải thể thao toàn quốc (giải Cờ vua miền Bắc lần thứ 6, giải thể thao người khuyết tật toàn quốc) tại Thái Nguyên. Tổ chức thành công 17/17 giải trong chương trình Đại hội TDTT tỉnh Thái Nguyên lần thứ IX, năm 2022. Cử vận động viên tham gia đoàn thể thao Việt Nam thi đấu tại Sea games 31, trong đó vận động viên tỉnh Thái Nguyên đạt 4HCV, 3HCB.

Thể thao thành tích cao: Trong 9 tháng năm 2022, các vận động viên của tỉnh đã tham gia thi đấu 29/47 giải toàn quốc và 04 giải xã hội hóa (*ngoài kế hoạch*) đạt 223 huy chương các loại, gồm 72 HCV, 65 HCB, 86 HCD¹⁵; giành 05 cờ nhất, 03 cờ nhì, 01 cờ ba toàn đoàn; đạt 35 VĐV kiện tướng, 38 VĐV cấp 1. Cung cấp cho đội tuyển quốc gia 24 VĐV và 02 HLV tham gia tập luyện tại Đội tuyển quốc gia. Tại Seagames 31 có 08 VĐV và 05 cán bộ tham gia thi đấu, huấn luyện, trọng tài.

Hoạt động quảng bá, xúc tiến, tư vấn thông tin du lịch: Thường xuyên cập nhật và tuyên truyền, quảng bá, giới thiệu, tư vấn về các điểm đến hấp dẫn trên địa bàn tỉnh¹⁶; tuyên truyền quảng bá xúc tiến du lịch tại các gian hàng trưng bày, quảng bá tiềm năng, sản phẩm du lịch, nét văn hóa độc đáo và ẩm thực đặc trưng¹⁷ thu hút đông đảo du khách đến tham quan, tìm hiểu về du lịch Thái Nguyên và quan tâm, đăng ký, theo dõi trên các kênh quảng bá du lịch của tỉnh.

Phối hợp, hỗ trợ các đoàn làm phim của Đài Truyền hình Việt Nam thực hiện ghi hình; phối hợp Hiệp hội Du lịch trong các sự kiện về du lịch của tỉnh. Đẩy mạnh giới thiệu các tua du lịch nội tỉnh, chương trình kích cầu, giảm giá của các doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ du lịch; hỗ trợ các công ty lữ hành, du khách trong và ngoài tỉnh kết nối với các điểm đến du lịch trên địa bàn tỉnh.

5. Hoạt động y tế

Tình hình dịch bệnh Covid-19: Qua đánh giá, xác định mức độ dịch và tình hình diễn biến dịch bệnh trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên, căn cứ Nghị quyết số 128/NQ-CP ngày 11/10/2021 của Chính phủ: Đánh giá tình hình dịch Covid-19 hiện tại của tỉnh Thái Nguyên là cấp độ I.

Từ 01/01/2022 đến hết 20/9/2022, toàn tỉnh ghi nhận 339.723 trường hợp mắc Covid-19. Tổng số ca mắc Covid-19 của tỉnh từ đầu dịch đến nay là 341.537 trường hợp; 118 trường hợp tử vong (*chủ yếu là người già và người có bệnh nền*); hiện còn 84 bệnh nhân đang điều trị tại các bệnh viện (*chủ yếu mức độ nhẹ và vừa*), 674 bệnh nhân đang quản lý điều trị tại nhà.

Tính riêng từ ngày 01/9 đến ngày 20/9/2022 trên địa bàn tỉnh ghi nhận 1.611 trường hợp mắc Covid-19.

¹⁵ Trong đó, 04 HCV, 03 HCB ở các môn Đua thuyền, Muay, Jujitsu, bóng đá nữ Futsal thi đấu tại Sea games 31.

¹⁶ Đăng tải lên Website Du lịch Thái Nguyên, Cổng du lịch thông minh, Zalo official account: 107 tin, bài viết, 488 ảnh quảng bá về du lịch Thái Nguyên đã thu hút được trên 1.369,8 nghìn lượt truy cập và trên 30 nghìn lượt xem bài viết (Website du lịch Thái Nguyên đã thu hút được trên 1.225 nghìn lượt truy cập, Cổng du lịch thông minh thu hút được trên 144,8 nghìn lượt truy cập; Zalo official account đã thu hút được trên 30 nghìn lượt xem bài viết); Fanpage facebook đã đăng tải 139 tin, bài kèm 762 ảnh và 17 video quảng bá về du lịch Thái Nguyên đã thu hút trên 133 nghìn lượt tiếp cận; Youtube đã đăng tải 10 video, thu hút trên 10 nghìn lượt xem; Kênh Tiktok đăng tải 10 clip, thu hút được trên 230 nghìn lượt xem.

¹⁷ Tuần văn hóa du lịch 6 tỉnh Việt Bắc và Hà Nội; Chương trình “Khởi động mở cửa lại hoạt động du lịch trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên trong tình hình mới”; Khai mạc Mùa Du lịch Thái Nguyên 2022; Hội chợ triển lãm “Mỗi xã phường một sản phẩm – Thái Nguyên năm 2022”; Hội chợ Thương mại - Du lịch tỉnh Tuyên Quang năm 2022. Biên tập, in phát hành 1.200 bản đồ du lịch và 1.000 Cẩm nang du lịch Thái Nguyên.

Công tác triển khai tiêm phòng Covid-19: Tính đến hết ngày 20/9/2022, sau các đợt triển khai Chiến dịch tiêm vắc xin phòng Covid-19 kết quả như sau:

- Người từ 18 tuổi trở lên: Tổng đối tượng ≥ 18 tuổi: 892.803 người; số tiêm ít nhất 1 mũi: 887.328 người (đạt 99,4%); số tiêm 2 mũi: 886.566 người (đạt 99,3%); số tiêm mũi nhắc lại lần 1: 674.084/840.336 người (đạt 80,2%); số tiêm mũi nhắc lại lần 2: 178.680/241.604 người (đạt 74%).

- Trẻ em từ 12 đến dưới 18 tuổi: Tổng đối tượng từ 12 đến dưới 18 tuổi: 118.945 trẻ; số tiêm ít nhất 1 mũi: 118.579 trẻ (đạt 99,7%); số tiêm 2 mũi: 118.184 trẻ (đạt 99,4%); số tiêm mũi nhắc lại lần 1: 84.293/114.272 trẻ (đạt 73,8%).

- Trẻ em từ 5 đến dưới 12 tuổi: Tổng đối tượng từ 5 đến dưới 12 tuổi: 158.942 trẻ; số tiêm ít nhất 1 mũi: 143.829 trẻ (đạt 90,5%); số tiêm 2 mũi: 101.310 trẻ (đạt 63,7%).

Tình hình dịch bệnh truyền nhiễm: Lũy kế từ đầu năm đến ngày 20/9/2022 toàn tỉnh có 24 ca quai bị; 85 ca sốt xuất huyết; 178 ca chân tay miệng (*tăng 156 ca so với cùng kỳ*); 03 ca phát ban rạn sởi/rubela; 01 ca viêm não nhật bản B. Tính riêng 20 ngày đầu tháng 9/2022 phát sinh 07 ca chân tay miệng; 17 ca sốt xuất huyết và 01 ca tử vong do bệnh dại.

Công tác khám, chữa bệnh: Tập trung triển khai phòng, chống dịch tại các cơ sở khám, chữa bệnh, đặc biệt quan tâm đến các bệnh truyền nhiễm, nguy hiểm, làm hạn chế tối đa nguy cơ lây lan rộng của dịch bệnh. Kết quả khám chữa bệnh BHYT từ 01/01/2022 đến 22/9/2022: Tổng số lượt khám chữa bệnh BHYT là 1.139.161 lượt (*nội trú 189.802 lượt; ngoại trú 949.359 lượt*); tổng chi phí khám chữa bệnh BHYT là 1.033,73 tỷ đồng (*nội trú 785,04 tỷ đồng; ngoại trú 248,69 tỷ đồng*); trích chuyển dữ liệu điện tử đúng thời gian đạt 93,7% tổng số hồ sơ.

Tình hình nhiễm HIV/AIDS trên địa bàn: Lũy tích đến ngày 31/8/2022 số người nhiễm HIV/AIDS là 9.299 người, tăng 129 người so với cùng kỳ năm 2021. Số tử vong do HIV/AIDS là 4.548 người, tăng 60 người so với cùng kỳ năm 2021. Riêng trong tháng 8/2022 phát hiện mới 15 người nhiễm; số tử vong do HIV/AIDS là 01 người (*so với cùng kỳ tương đương về số ca phát hiện nhiễm mới nhưng giảm 05 người tử vong*).

Công tác đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm: Ngành chức năng tiếp tục duy trì triển khai đến từng địa phương công tác an toàn vệ sinh thực phẩm; đồng thời, làm tốt công tác tuyên truyền về đảm bảo an toàn thực phẩm tại các cơ sở sản xuất, kinh doanh trên địa bàn. Từ ngày 23/8/2022 đến ngày 22/9/2022 trên địa bàn xảy ra 01 vụ ngộ độc cấp tính được ghi nhận (huyện Võ Nhai), có 17 người mắc, không có trường hợp nào bị tử vong, nguyên nhân được xác định do vi sinh vật trong thức ăn. Lũy kế đến 22/9/2022 toàn tỉnh có 02 vụ ngộ độc với 24 người mắc, không có người tử vong. So với cùng kỳ năm 2021, tăng 02 vụ ngộ độc và tăng 24 người mắc. Trong tháng 9/2022, cấp 11 giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm; Lũy kế 9 tháng năm 2022 cấp 70 giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm...

Dân số và trẻ em: Tính từ đầu năm đến hết tháng 8/2022, trên địa bàn tỉnh có 7.549 trẻ mới sinh, bằng 81,94% (*giảm 1.664 trẻ*) so với cùng kỳ năm 2021; trong đó, số trẻ em nam sinh ra là 4.012 (*chiếm 53,15% tổng số trẻ sinh ra*), bằng 82,67% cùng kỳ; số trẻ em nữ sinh ra là 3.537 trẻ (*chiếm 46,85% tổng số trẻ sinh ra*), bằng 81,12% cùng kỳ. Tỷ số giới tính khi sinh là 113,43 trẻ nam/100 trẻ nữ (*cùng kỳ tỷ lệ này là 111,3/100*).

Trong tổng số trẻ mới sinh, có 1.259 trẻ sinh ra là con thứ 3 trở lên, chiếm 16,68% tổng số trẻ sinh ra, giảm 211 trẻ so với cùng kỳ năm 2021. Trong đó, huyện Phú Bình có trẻ sinh ra là con thứ 3 nhiều nhất là 271 trẻ (*chiếm 21,53% tổng số trẻ sinh con thứ 3 của toàn tỉnh và giảm 105 trẻ so cùng kỳ năm trước*), huyện Đại Từ 219 trẻ (*giảm 45 trẻ so với cùng kỳ*); thành phố Thái Nguyên 129 trẻ (*giảm 43 trẻ so với cùng kỳ*)... Công tác bảo vệ và chăm sóc trẻ em tiếp tục được quan tâm thực hiện.

6. Giáo dục, đào tạo

Trong tháng 9 năm 2022 ngành Giáo dục đã triển khai nghiêm túc Khung kế hoạch thời gian năm học 2021-2022. Các cơ sở giáo dục trong toàn tỉnh đã tổ chức Lễ Khai giảng và triển khai các nhiệm vụ đầu năm học mới theo đúng Khung kế hoạch thời gian năm học. Triển khai tốt các kế hoạch chuẩn bị chương trình giáo dục phổ thông 2018 đối với lớp 3, lớp 7 và lớp 10, trong đó tập trung thực hiện kế hoạch về chuẩn bị cơ sở vật chất, bồi dưỡng đội ngũ giáo viên và lựa chọn sách giáo khoa.

Kết quả kỳ thi tốt nghiệp trung học phổ thông năm 2022: Trên địa bàn toàn tỉnh có 31 điểm thi với 15.149 thí sinh tham gia dự. Số thí sinh đỗ tốt nghiệp là 14.334 người, tỷ lệ tốt nghiệp đạt 98,43%. Ngành chức năng đã thực hiện công bố kết quả phúc khảo và xét tốt nghiệp sau phúc khảo trên hệ thống quản lý thi; in và trả chứng nhận kết quả thi cho thí sinh có thay đổi điểm thi kịp thời để các em tham gia xét tuyển sinh đại học, cao đẳng năm 2022 theo đúng lịch quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Công tác xây dựng trường học đạt chuẩn quốc gia: Công tác xây dựng trường học đạt chuẩn quốc gia tiếp tục được các địa phương quan tâm chỉ đạo, đầu tư hiệu quả, đạt kết quả. Tính đến thời điểm 15/9/2022 toàn tỉnh hiện có 592/684 trường học các cấp đạt trường chuẩn quốc gia, đạt tỷ lệ 86,55%¹⁸.

Công tác tuyển sinh Cao đẳng, Đại học: Kế hoạch tuyển sinh năm học 2022-2023 của các trường thuộc Đại học Thái Nguyên học hệ Đại học và Cao đẳng là 13.960 chỉ tiêu. Hiện nay các trường đang nhận hồ sơ xét tuyển thẳng từ các cơ sở giáo dục và đào tạo, làm các thủ tục nhập học và cập nhật danh sách cho các thí sinh trúng tuyển, dự kiến ra quyết định công nhận sinh viên chính thức trong tháng 10/2022.

¹⁸ Trong đó, mầm non có 208/248 đạt tỷ lệ 83,87%, tiểu học có 203/210 đạt tỷ lệ 96,67%, trung học cơ sở có 158/193 đạt tỷ lệ 81,87%, trung học phổ thông có 23/33 đạt tỷ lệ 69,7%.

7. Tình hình trật tự, an toàn giao thông

Nhằm đổi mới và tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật về trật tự an toàn giao thông (TTATGT), từ ngày 15-9, Ban ATGT tỉnh đã triển khai cuộc thi “*Tìm hiểu pháp luật về TTATGT trực tuyến năm 2022*” trên website của đơn vị tại địa chỉ: antoangiaothongthainguyen.org.vn. Đây là năm thứ tư Ban ATGT tỉnh tổ chức cuộc thi tìm hiểu pháp luật về trật tự an toàn giao thông trực tuyến trên mạng internet. Bên cạnh đó, ngành chức năng đã phối hợp với nhiều đơn vị tổ chức công tác tuyên truyền, trang bị kiến thức an toàn giao thông cho học sinh ngay đầu năm học mới, góp phần bảo đảm trật tự ATGT, phòng ngừa, giảm thiểu và hạn chế các vụ tai nạn giao thông.

Theo báo cáo của Ban ATGT tỉnh, tính từ ngày 15/8/2022 đến ngày 14/9/2022 trên địa bàn tỉnh xảy ra 04 vụ tai nạn giao thông đường bộ làm 04 người bị thương và không có người bị chết; giảm 07 vụ, giảm 03 người chết và giảm 06 người bị thương so với cùng kỳ năm 2021. Trong đó, tai nạn liên quan đến ô tô là 3 vụ (*chiếm 75%*); liên quan đến mô tô là 01 vụ (*chiếm 25%*). Thiệt hại tài sản ước tính khoảng 164 triệu đồng. Không xảy ra tai nạn giao thông trên đường sắt, đường thủy.

Tính chung 9 tháng năm 2022, trên địa bàn tỉnh đã xảy ra 75 vụ tai nạn giao thông, làm chết 17 người và 76 người bị thương. So với cùng kỳ năm 2021 số vụ tai nạn giảm 25 vụ (-25%), số người bị chết giảm 16 người (-48,5%) và số người bị thương giảm 14 người (-15,6%). Trong đó, thành phố Thái Nguyên xảy ra 37 vụ có 04 người chết và 42 người bị thương; thành phố Phổ Yên có 06 vụ làm 03 người chết và 03 người bị thương; huyện Phú Lương có 07 vụ làm 01 người chết và 04 người bị thương; huyện Đại Từ xảy ra 09 vụ làm 03 người chết và 10 người bị thương; huyện Định Hóa xảy ra 06 vụ làm 05 người chết và 02 người bị thương.

Tính riêng quý III/2022, toàn tỉnh xảy ra 24 vụ tai nạn giao thông là 05 người chết và 27 người bị thương. So sánh 3 quý năm 2022 thì quý II là quý có số vụ tai nạn, số người chết và số người bị thương cao hơn so với quý I và quý III.

Công tác kiểm tra, xử lý an toàn giao thông: Trong tháng 9/2022 ngành chức năng đã kiểm tra lập biên bản xử lý vi phạm 3.255 trường hợp; tước 519 giấy phép lái xe; tạm giữ 75 xe ô tô, 750 xe mô tô. Số tiền xử phạt 3,7 tỷ đồng. Đường thủy nội địa xử lý 18 trường hợp vi phạm, thu nộp ngân sách Nhà nước là 21,7 triệu đồng.

Lũy kế 9 tháng năm 2022, ngành chức năng đã kiểm tra lập biên bản xử lý vi phạm 24.093 trường hợp; tước 2.983 giấy phép lái xe; tạm giữ 533 xe ô tô, 4.501 xe mô tô, phương tiện khác 35 chiếc. Tổng số tiền xử phạt 28,2 tỷ đồng. Đường thủy nội địa xử lý 40 trường hợp vi phạm, thu nộp ngân sách là 96 triệu đồng.

Công tác quản lý phương tiện giao thông: Trong tháng, ngành chức năng của tỉnh đã cấp đăng ký mới cho 4.309 xe; trong đó xe ô tô là 641 xe (*chiếm 15% tổng số xe đăng ký mới*), xe mô tô là 3.060 xe (*chiếm 71%*), xe máy điện là 608 xe (*chiếm 14%*). Lũy kế 9 tháng tổng số phương tiện đã đăng ký 943.310 xe.

8. Công tác phòng chống cháy, nổ

Thời gian gần đây trên địa bàn cả nước xảy ra nhiều vụ cháy, nổ gây thiệt hại đặc biệt nghiêm trọng đến tính mạng, tài sản của Nhân dân. Ngành chức năng của tỉnh đã thực hiện chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Công điện số 792/CD-TTg ngày 07/9/2022 về việc tăng cường công tác phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ; tiếp tục chủ động đưa ra các phương án phòng chống cháy nổ; tăng cường công tác tuyên truyền, nâng cao ý thức, trách nhiệm của người dân trong phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ nhằm hạn chế tối đa thiệt hại về người và tài sản cho người dân.

Tỉnh Thái Nguyên đã thành lập Đoàn kiểm tra liên ngành phòng, chống cháy nổ đối với loại hình kinh doanh karaoke theo công văn số 4348/UBND-NC của UBND tỉnh Thái Nguyên. Đợt kiểm tra bắt đầu từ ngày 12/9/2022 theo kế hoạch chỉ đạo của Chủ tịch UBND tỉnh và UBND các huyện, thành phố thuộc tỉnh. Theo đó, tập trung vào các cơ sở có nguy cơ cháy nổ cao như quán karaoke, quán bar, vũ trường và các khu vui chơi giải trí tập trung đông người trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

Nội dung kiểm tra chú trọng tới điều kiện đảm bảo an ninh, trật tự, an toàn về phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ. Trong đó, đặc biệt tập trung vào kiểm tra an toàn đối với hệ thống điện, thiết bị điện, quá trình sử dụng điện và các thiết bị, vật liệu sử dụng tại các cơ sở. Đã kiểm tra 215 cơ sở (*quán bar, karaoke, khách sạn, nhà nghỉ...*); xử phạt 99 cơ sở (*các lỗi vi phạm chủ yếu, lối thoát nạn, cầu thang không đủ kích thước, không tiến hành thẩm duyệt thiết kế PCCC...*); tạm đình chỉ 08 cơ sở kinh doanh karaoke, các lỗi vi phạm chủ yếu chưa nghiệm thu về PCCC, cải tạo công trình chưa được thẩm duyệt; tạm dừng hoạt động của 09 cơ sở kinh doanh karaoke các lỗi vi phạm chủ yếu là chưa được cấp phép hoạt động của sở văn hóa, lối thoát nạn, cầu thang không đủ kích thước, sử dụng vật liệu không phải là vật liệu không cháy, khó cháy để trang trí và cách âm.

Tính từ ngày 16/8/2022 đến 15/9/2022 trên địa bàn tỉnh xảy ra 07 vụ cháy, tăng 04 vụ so với tháng trước và tăng 05 vụ so với cùng kỳ năm 2021. Trong đó, có 03 vụ cháy tại thành phố Phổ Yên; 03 vụ cháy xảy ra tại thành phố Thái Nguyên và 01 vụ cháy tại huyện Phú Bình. Các vụ cháy không có người bị thương, giá trị thiệt hại ước tính khoảng trên 53 triệu đồng.

Riêng quý III/2022 trên địa bàn xảy ra 15 vụ cháy thiệt hại khoảng 195,7 triệu đồng. So với cùng kỳ giảm 04 vụ cháy và giá trị thiệt hại giảm 741 triệu; so với quý II/2022 tăng 09 vụ cháy và giá trị thiệt hại giảm khoảng 137 triệu đồng.

Tính chung 9 tháng năm 2022, toàn tỉnh xảy ra 28 vụ cháy, không gây thiệt hại về người. Ước tính giá trị tài sản thiệt hại khoảng 732 triệu đồng. So với cùng kỳ năm 2021 giảm 25 vụ, về giá trị thiệt hại giảm 3 tỷ đồng. Trong 9 tháng năm 2022 trên địa bàn tỉnh không có vụ nổ xảy ra.

9. Vi phạm môi trường

Trong tháng 9/2022 trên địa bàn tỉnh có 04 vụ vi phạm về môi trường, các ngành chức năng đã tiến hành kiểm tra xử phạt với tổng tiền là 1.925 triệu đồng, *(so với cùng kỳ tăng 02 vụ và tăng 1,8 tỷ đồng tiền xử phạt)*.

Tính riêng quý III/2022, toàn tỉnh xảy ra 04 vụ vi phạm môi trường, thu nộp ngân sách Nhà nước 1.925 triệu đồng. So với cùng kỳ giảm 03 vụ vi phạm môi trường, nhưng tăng 299 triệu đồng tiền xử phạt vi phạm.

Tính từ đầu năm đến tháng 9/2022 các ngành chức năng đã tiến hành kiểm tra 14 vụ vi phạm môi trường, xử phạt 2,5 tỷ đồng thu nộp ngân sách Nhà nước *(so cùng kỳ giảm 07 vụ vi phạm, giảm 0,5 tỷ đồng về số tiền xử phạt)*.

10. Thiệt hại do thiên tai

Ngành chức năng của tỉnh đã thường xuyên kiểm tra, đôn đốc, chỉ đạo, hướng dẫn các đơn vị, địa phương thực hiện tốt kế hoạch, phương án phòng ngừa, ứng phó và khắc phục hậu quả thiên tai.

Từ ngày 19/8 đến ngày 18/9/2022 trên địa bàn xuất hiện 03 đợt mưa lớn, kèm dông, lốc, sét đã làm thiệt hại tài sản xảy ra tại hầu hết các địa phương trên địa bàn tỉnh. Thống kê sơ bộ có 07 ngôi nhà bị hư hại, diện tích lúa và hoa màu bị ảnh hưởng là 23,9 ha *(22 ha lúa và 1,7 ha hoa màu)*. Ước tính giá trị thiệt hại khoảng 2,8 tỷ đồng. So với cùng kỳ, số vụ thiên tai tháng 9/2022 giảm 02 vụ; số người bị thương giảm 01 người và giá trị thiệt hại giảm 620 triệu đồng.

Từ đầu năm đến ngày 20/9/2022 trên địa bàn có 16 đợt thiên tai xảy ra, tổng giá trị thiệt hại về tài sản ước tính khoảng trên 65 tỷ đồng. So cùng kỳ giảm 04 vụ, số người bị chết tăng 03 người, số người bị thương giảm 05 người nhưng giá trị thiệt hại tăng 47,5 tỷ đồng.

C. ĐÁNH GIÁ CHUNG

Tình hình kinh tế - xã hội tỉnh Thái Nguyên trong 9 tháng năm 2022 đã đạt những kết quả quan trọng và khá toàn diện như:

- Thực hiện tốt công tác kiểm soát dịch bệnh, bảo vệ, chăm lo sức khỏe Nhân dân dù dịch bệnh có diễn biến phức tạp.

- Kinh tế của tỉnh tiếp tục được phục hồi; lạm phát được kiểm soát dưới 4%; sản xuất công nghiệp tiếp tục duy trì được đà tăng trưởng, đặc biệt có sự tăng trưởng bứt phá trong quý II và quý III; thương mại, dịch vụ phục hồi nhanh ở tất cả các ngành và sôi động trở lại; từ đó tạo động lực cho tăng trưởng kinh tế.

- Các cân đối lớn được bảo đảm tốt như: thu - chi ngân sách; xuất - nhập khẩu; lương thực - thực phẩm; bảo đảm đủ điện, năng lượng đủ sản xuất tăng cao; doanh nghiệp phát triển nhưng cung - cầu lao động bảo đảm, thị trường lao động phục hồi tốt.

- Phát triển doanh nghiệp đạt kết quả tích cực; số doanh nghiệp gia nhập thị trường tiếp tục tăng so với cùng kỳ. Số vốn đăng ký mới bổ sung vào kinh tế của tỉnh đạt 7,4 nghìn tỷ đồng, tăng gần 30% so với cùng kỳ.

- Tổng vốn đầu tư phát triển toàn xã hội tiếp tục xu hướng tăng. Thu hút vốn đầu tư nước ngoài lọt Top 10 tỉnh thu hút đầu tư nước ngoài lớn nhất cả nước.

- Các lĩnh vực văn hóa, xã hội được chú trọng, đời sống người dân được cải thiện. Các hoạt động chăm lo đối tượng chính sách, người nghèo, người lao động được triển khai tích cực, hiệu quả.

- Quốc phòng, an ninh được tăng cường; trật tự an toàn xã hội tiếp tục được bảo đảm.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, dự báo phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh trong thời gian tới vẫn còn tiềm ẩn nhiều nguy cơ và khó khăn như:

- Diễn biến phức tạp của dịch bệnh với các biến chủng Covid-19 mới.

- Giá xăng dầu, lương thực, thực phẩm, thép, phân bón... trên thế giới và trong nước có dấu hiệu hạ nhiệt nhưng vẫn rất khó dự báo.

- Thiếu hụt, gián đoạn nguồn cung, chi phí sản xuất, vận tải gia tăng... gây áp lực lên lạm phát, giá cả hàng hóa, ảnh hưởng đến sản xuất kinh doanh và đời sống của người dân. Đây là những vấn đề chưa thể giải quyết được dứt điểm trong ngắn hạn.

- Xuất khẩu đối mặt với thách thức không nhỏ, thị trường bị thu hẹp khi kinh tế Mỹ và nhiều nước phát triển có nguy cơ rơi vào suy thoái; cuộc chiến giữa Nga và Ukraina... khiến cho số đơn hàng đi thị trường Mỹ và EU có dấu hiệu suy giảm; tồn kho gia tăng.

- Số lượng doanh nghiệp rút lui khỏi thị trường cao hơn 7,8% so với số lượng doanh nghiệp gia nhập thị trường. Điều đó cho thấy vẫn còn rất nhiều doanh nghiệp gặp khó khăn trong sản xuất kinh doanh.

Để tiếp tục đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội trong thời gian tới, góp phần hoàn thành và vượt kế hoạch kinh tế - xã hội năm 2022, cần tập trung thực hiện tốt những nội dung sau:

- Tiếp tục triển khai thực hiện hiệu quả Nghị quyết 11/NQ-CP; Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội; Chương trình phòng chống dịch Covid-19; chủ động ứng phó linh hoạt, kịp thời với các tình huống phát sinh.

- Quyết liệt kiểm tra, đôn đốc công tác thực hiện và giải ngân vốn đầu tư công, đồng thời tập trung khơi thông các điểm nghẽn hỗ trợ các nhà đầu tư trong thực hiện dự án, công trình; đảm bảo nguồn cung, ổn định giá nguyên vật liệu phục vụ cho thi công công trình, dự án đạt hiệu quả, chất lượng và tiến độ.

- Tập trung thúc đẩy sản xuất công nghiệp, nhất là các dự án lớn để tạo năng lực sản xuất mới. Các Sở, ngành cần tiếp tục cải tiến trong công tác tham mưu, chỉ đạo sản xuất bảo đảm sự đồng bộ, thống nhất và hiệu quả.

- Theo chức năng, nhiệm vụ, các Sở, ngành, địa phương cần chủ động theo dõi sát diễn biến tình hình trong nước, các địa phương lân cận; phân tích, đánh giá kịp thời những tác động đến kinh tế, thị trường tài chính, tiền tệ, các chuỗi cung

ứng hàng hóa, nhất là diễn biến giá cả các mặt hàng nhiên liệu và vật tư chiến lược để kịp thời ứng phó trong điều hành sản xuất, cân đối cung - cầu.

- Tiếp tục triển khai mạnh mẽ, hiệu quả các giải pháp kết nối cung - cầu, điều tiết thị trường lao động, đáp ứng đủ lao động cho các doanh nghiệp có quy mô lớn, trọng điểm của tỉnh. Tiếp tục nâng cao hiệu quả các chương trình hỗ trợ đào tạo cho người lao động bị thôi việc, mất việc làm do ảnh hưởng của dịch Covid-19 trong những tháng cuối năm.

- Chú trọng phát triển văn hóa, xã hội, môi trường, bảo đảm an sinh xã hội và đời sống Nhân dân.

Trên đây là báo cáo tình hình kinh tế - xã hội quý III và 9 tháng năm 2022 trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên./.

Nơi nhận:

- Tổng cục Thống kê;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Lãnh đạo UBND tỉnh;
- Các ngành tổng hợp;
- Chủ tịch, bí thư, các huyện, TP.
- Lưu: VT, TKTH.

CỤC TRƯỞNG

Trần Quang